

chủ trì đề tài : Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

chủ quản : Đại học Quốc gia Hà Nội

phối hợp :

ThS Nguyễn Thanh Sơn

PGS, TS Nguyễn Mạnh Hùng

TS Nguyễn Tho Sáo

ThS Đỗ Ngọc Thắng

CN Công Thành

PGS, TS Phạm Văn Huấn

ThS Mai Văn Khiêm

TS Dương Hồng Sơn

ThS Nguyễn Minh Trường



của Hội đồng đánh giá chính thức kết quả nghiên cứu khoa học thành lập theo Quyết
242/QĐ-BKHCN ngày 07 tháng 03 năm 2005

trường Bộ Khoa học và Công nghệ

15 tháng 04 năm 2005 tại Hà Nội

tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 24 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

: 5624 / KQNC

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP NHÀ NƯỚC

Tên đề tài: Xây dựng mô hình dự báo các trường khí tượng, thủy văn Biển Đông Việt Nam.

Thuộc Chương trình: Điều tra cơ bản và nghiên cứu ứng dụng công nghệ biển KC09.

Cơ quan chủ trì đề tài: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Trần Tân Tiến

1. Mục tiêu của đề tài:

- Có được các trường dự báo theo các thời hạn khác nhau.
- Có được hệ thống thông tin tư liệu về trường áp, gió, nhiệt ẩm, sóng, dòng chảy làm cơ sở cho việc nghiên cứu khoa học và áp dụng trong phát triển kinh tế biển.

2. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

- Thu thập bổ sung và hoàn thiện cơ sở dữ liệu khí tượng, hải văn khu vực Biển Đông phù hợp các yêu cầu của các mô hình số và bài toán dự báo thống kê các trường khí trường thuỷ văn biển. Xây dựng sơ đồ phân tích số liệu phục vụ bài toán dự báo.
- Nghiên cứu áp dụng công nghệ mô hình dự báo số trị khu vực để dự báo khí tượng biển vùng Biển Đông. Khu vực hoá cơ chế vật lý trong mô hình dự báo số áp dụng cho vùng Biển Đông và cập nhật số liệu địa phương vào các trường khí tượng quy mô toàn cầu để mô tả chính xác hơn đặc tính địa phương của các trường khí tượng và đáp ứng tốt hơn trường ban đầu cho bài toán nghiên cứu trạng thái biển.
- Nghiên cứu các phương pháp, quy trình dự báo các trường khí tượng và thủy văn Biển Đông hạn vừa (7-10 ngày) và hạn dài (tháng, mùa).
- Nghiên cứu, ứng dụng mô hình dự báo nước dâng do bão.
- Xây dựng mô hình 3 chiều dự báo hạn ngắn (1 đến 3 ngày) trường nhiệt và dòng chảy Biển Đông theo kết quả của các mô hình dự báo khí tượng.
- Nghiên cứu ứng dụng mô hình dự báo trường sóng trên biển từ gió theo phương pháp phổ năng lượng (WAM). Xây dựng qui trình dự báo sóng vùng bờ phục vụ thiết kế công trình và bảo vệ bờ theo kết quả của các mô hình dự báo khí tượng.
- Thiết kế các dạng thức trình bày kết quả dự báo, phát báo và phổ biến trên mạng internet phục vụ thực tiễn và nghiên cứu.
- Xây dựng quy trình dự báo trường khí tượng thuỷ văn biển liên hoàn và kiểm nghiệm.

3. Sản phẩm đạt được

- Hệ thống thông tin tư liệu về khí tượng thuỷ văn biển Đông (áp, gió, nhiệt, ẩm, sóng, dòng chảy...)
- Tập bản đồ kết quả dự báo thử nghiệm các yếu tố Khí tượng - Thủy văn trên khu

vực biển Đông bằng các mô hình của đề tài.

- Mô hình dự báo thời tiết Biển Đông từ 1-3 ngày kèm theo luận chứng, phần mềm.
- Phương pháp dự báo thời tiết hạn vừa (7-10 ngày), luận chứng, phần mềm.
- Phương pháp dự báo hạn ngăn trường nhiệt và dòng chảy Biển Đông, luận chứng, phần mềm.
- Mô hình WAM. Qui trình dự báo sóng vùng bờ, luận chứng, phần mềm.
- Phương pháp, quy trình dự báo các trường khí tượng và thủy văn Biển Đông dài hạn (tháng, mùa).
- Phương pháp dự báo nước dâng do bão
- Quy trình dự báo liên hoàn trường khí tượng thủy văn.

4. Những người thực hiện

1. GS. Trần Tân Tiến	Chủ nhiệm đề tài
2. ThS. Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên chính
3. PGS.TS Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên chính
4. TS. Nguyễn Thọ Sáu	Thành viên chính
5. ThS. Đỗ Ngọc Thắng	Thành viên chính
6. CN. Công Thành	Thành viên chính
7. PGS.TS Phạm Văn Huân	Thành viên chính
8. ThS. Mai Văn Khiêm	Thành viên chính
9. TS. Dương Hồng Sơn	Thành viên chính
10. ThS. Nguyễn Minh Trường	Thành viên chính

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Chủ nhiệm đề tài



GS. TS. Trần Tân Tiến

Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 2011

Võ Hiển

QUYẾT ĐỊNH

RĂN SAO

Về việc phê duyệt Danh mục các đề tài
nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2011

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 2481/QĐ-BTNMT ngày 27/11/2008 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức của Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 5 năm 2011 về việc
bổ sung, điều chỉnh kế hoạch và dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế
Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ
cấp cơ sở năm 2011 và giao cho các đơn vị của Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ
văn và Môi trường tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế có trách
nhiệm phối hợp với các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu
khoa học và công nghệ quy định tại Điều 1 và theo đúng các quy định của pháp
luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng; Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế,
Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện Khoa học Khí
tượng Thuỷ văn và Môi trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này./

Ngày 28-06-2019

Nơi nhận:

- Như điều 3; Số chứng mục 65349 Quyết định
- Lưu VP, KHTC, KH (Hn 18)



Trần Thực

ZONG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ NĂM 2011

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm chủ yếu	Kinh phí (triệu)	CNDT
1	Nghiên cứu xây dựng chỉ tiêu xác định niệt độ cục đoan cho khu vực Việt Nam bằng mô hình khí hậu khu vực	- Xác định được bộ chỉ số niệt độ cục đoan từ sản phẩm của các mô hình RegCM và PRECIS - Đánh giá được khả năng mô phỏng nhiệt độ cục đoan ở Việt Nam của các mô hình RegCM và PRECIS	1) Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu tính toán i) Thu thập và xử lý số liệu quan trắc ngày 3 yếu tố (nhiệt độ trung bình, nhiệt độ tối cao, nhiệt độ tối thấp) thời kỳ 1980 – 2000 của 140 trạm khí tượng trên phạm vi cả nước ii) Áp dụng các mô hình RegCM, PRECIS để tính toán nhiệt độ cục đoan cho thời kỳ 1980-2000. 2) Tính toán các chỉ số nhiệt độ cục đoan theo số liệu quan trắc và theo số liệu mô phỏng của các mô hình RegCM và PRECIS 3) Phân tích, đánh giá khả năng mô phỏng chỉ số nhiệt độ cục đoan bằng mô hình RegCM và PRECIS	- Cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu để tài, bao gồm số liệu quan trắc và kết quả tính toán từ các mô hình RegCM và PRECIS - Chương trình tính và kết quả tính toán các chỉ số nhiệt độ cục đoan - Kết quả phân tích, đánh giá khả năng mô phỏng nhiệt độ cục đoan - Báo cáo tổng kết	184	Mai Văn Khiêm - TT NC KTKH



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài cấp cơ sở năm 2011

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

BIÊN BẢN

HỘP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

1. Tên đề tài:

Nghiên cứu xây dựng chỉ tiêu xác định nhiệt độ cực đoan cho khu vực Việt Nam bằng mô hình khí hậu khu vực

Tên cơ quan chủ trì đề tài: Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường
Chủ nhiệm đề tài: TS. Mai Văn Khiêm, Viện KHKTTV&MT

Thời gian thực hiện: Từ tháng 7/2011 đến tháng 12/2011

2. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ số: 517/QĐ-VKTTVMT, ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Viện trưởng Viện KHKTTV&MT

3. Hội đồng họp vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 3 năm 2012.

Địa điểm: Phòng Hội thảo, Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường, số 23, ngõ 62, Đường Nguyễn Chí Thanh - Đồng Đa - Hà Nội.

4. Hội đồng gồm có 07 thành viên (danh sách kèm theo Quyết định):

a. Số thành viên có mặt: 6

b. Số thành viên vắng mặt: 1 (ThS. Ngô Tiên Giang)

5. Khách mời tham dự:

a. Đại diện cơ quan quản lý: Viện Khoa học Khí tượng Thủỷ văn và Môi trường:

Bà Nguyễn Thị Hiền Thuận, TP KHKTTV&HTQT

Bà Vũ Thị Hiền, chuyên viên Phòng KHKTTV&HTQT

b. Cơ quan chủ trì thực hiện đề tài:

6. Hội đồng làm việc:

6.1 Thư ký hội đồng khai mạc phiên họp, đọc quyết định thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài, giới thiệu đại biểu và mời Chủ tịch hội đồng điều khiển cuộc họp

6.2 Chủ tịch Hội đồng thông qua chương trình làm việc

6.3 Hội đồng nghe Chủ nhiệm đề tài báo cáo tóm tắt quá trình thực hiện, nội dung nghiên cứu, các kết quả đạt được của đề tài và các đề xuất, kiến nghị với cơ quan quản lý.

6.4 Hội đồng lần lượt nghe nhận xét của 2 ủy viên phản biện (xem văn bản đính kèm)

6.5 Các câu hỏi và ý kiến đóng góp của các ủy viên hội đồng

Các ủy viên hội đồng đều có ý kiến đánh giá và tham vấn điều chỉnh sửa chữa để hoàn chỉnh báo cáo tổng kết đề tài, có thể tóm tắt các ý kiến chính như sau:

Về cơ bản, đề tài đã thực hiện hầu hết các nội dung đã được phê duyệt, báo cáo tổng kết đã đề cập đến đầy đủ các nội dung nêu trên; Các kết quả đánh giá khả năng mô phỏng của PRECIS và RegCM đối với nhiệt độ cực đoan có thể tham khảo cho các nghiên cứu ứng dụng các mô hình này trong dự báo khí hậu và biến đổi khí hậu.

Phản tổng quan đã nêu được khá nhiều hiện trạng nghiên cứu mô phỏng của các mô hình của thế giới. Một số nội dung trong tổng quan cần chuẩn xác hơn nhất là trích dẫn các tài liệu và danh mục tài liệu tham khảo.

Báo cáo tổng kết chưa thể hiện rõ phương pháp xác định bộ chỉ số cực đoan (theo trạm, theo diện...), các đánh giá để đưa ra các khác biệt giữa chi tiêu của các khu vực khác nhau của Việt Nam.

Cần mô tả kỹ hơn về cơ sở dữ liệu (quan trắc và mô phỏng), thời kỳ lấy số liệu,...

Cần giới thiệu thêm về cách tính các chỉ số cực đoan trong các chương trình xử lý tính toán các chỉ số cực đoan.

Bổ sung thêm các thông tin khác từ các báo cáo chuyên đề và các đánh giá cụ thể hơn đối với từng chỉ số.

Báo cáo phân tích kết quả cần được bổ sung thêm các sản phẩm trung gian từ các báo cáo chuyên đề.

6.6 Ý kiến giải trình của cơ quan chủ trì và chủ nhiệm

Những phản thiêu mà Hội đồng nhắc nhở như kết quả chạy mô hình, kết quả thử nghiệm,... đều đã được thực hiện song chưa đưa vào báo cáo tổng kết. Chủ nhiệm đề tài và các cộng tác viên sẽ tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện báo cáo tổng kết.

6.7 Hội đồng đã thảo luận và bỏ phiếu đánh giá.

7. Kết luận quá bô phiếu

- Số phiếu phát ra: 6
- Số phiếu hợp lệ: 6
- Số phiếu đánh giá đạt loại A: 1
- Số phiếu đánh giá đạt loại B: 5
- Số phiếu đánh giá đạt loại C: 0
- Số phiếu đánh giá không đạt: 0

Kết quả bỏ phiếu: Đạt loại B

8. Kết luận của Chủ tịch Hội đồng:

Ưu điểm:

Về cơ bản, đề tài đã thực hiện được mục tiêu đặt ra. Hầu hết các nội dung đặt ra của đề tài đã được thực hiện. Báo cáo kết quả đề tài cho thấy khả năng ứng dụng mô hình PRECIS và RegCM trong nghiên cứu khí hậu ở Việt Nam.

Phản tổng quan đã nêu được hiện trạng ứng dụng các mô hình khí hậu trong nghiên cứu mô phỏng yếu tố cực đoan ở trong và ngoài nước. Phương pháp sử dụng trong đề tài là hợp lý. Các kết quả nhận được đối với các yếu tố

cực đoan nhiệt độ là khách quan và có thể tham khảo khi ứng dụng các mô hình nêu trên ở Việt Nam trong dự báo khí hậu và xây dựng các kịch bản biến đổi khí hậu.

Tồn tại và các nội dung cần sửa chữa, bổ sung:

Báo cáo kết quả đề tài cần được biên tập lại theo mẫu quy định đối với các đề tài nghiên cứu khoa học. Việc trích dẫn tài liệu tham khảo chưa đúng theo quy định. Cần bổ sung, cập nhật danh sách các tài liệu tham khảo.

Cần bổ sung thêm các kết quả nghiên cứu của đề tài từ các báo cáo chuyên đề như phương pháp, chương trình tính toán yếu tố cực đoan nhiệt độ từ kết quả của mô hình khí hậu khu vực, các bản đồ, đồ thị phản ánh phân bố theo thời gian, không gian các cực đoan nhiệt độ mô phỏng bởi mô hình PRECIS, RegCM3,...

c) Kết luận chung

Hội đồng nhất trí đề nghị tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài bổ sung và hoàn thiện báo cáo tổng kết đề tài theo kết luận của Hội đồng và các ý kiến đóng góp chi tiết khác của từng thành viên Hội đồng (bằng văn bản) để trình Viện phê duyệt.

9. Kiến nghị và các lưu ý khác của Hội đồng: Không

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Phạm Thị Thanh Hương

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ

Tên đề tài: Nghiên cứu xây dựng chỉ tiêu xác định nhiệt độ cực đoan cho khu vực Việt Nam bằng mô hình khí hậu khu vực

Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Chủ nhiệm đề tài: TS. Mai Văn Khiêm

1. Mục tiêu của đề tài:

- Xác định được bộ chỉ số nhiệt độ cực đoan từ sản phẩm của các mô hình RegCM và PRECIS;
- Đánh giá được khả năng mô phỏng nhiệt độ cực đoan ở Việt Nam của các mô hình RegCM và PRECIS.

2. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

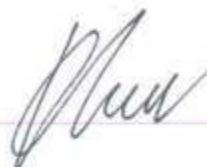
- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu tính toán của đề tài;
- Tính toán các chỉ số nhiệt độ cực đoan theo số liệu quan trắc, số liệu mô phỏng của RegCM và PRECIS
- Phân tích đánh giá khả năng mô phỏng 10 chỉ số nhiệt độ cực đoan bằng mô hình RegCM và PRECIS.

3. Sản phẩm đạt được

- Cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu đề tài, bao gồm số liệu quan trắc và kết quả tính toán từ các mô hình RegCM và PRECIS;
- Chương trình tính và kết quả tính toán các chỉ số nhiệt độ cực đoan;
- Kết quả phân tích, đánh giá khả năng mô phỏng nhiệt độ cực đoan
- Báo cáo tổng kết đề tài

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2017

Chủ nhiệm đề tài



TS. Mai Văn Khiêm

Hiển

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2214 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2011

BẢN SAO

MỘT SẢN PHẨM KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ
 MÔI TRƯỜNG

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG VĂN ĐỀN Về việc phê duyệt Danh mục các đề tài nghiên cứu

Số: 1304... khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2012

Ngày 9... tháng 11 năm 2011 thuộc Chương trình Khí tượng Thủy văn (TNMT.05/10-15)

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 25/2011/TT-BTNMT ngày 07 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2012 và giao cho các đơn vị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ quy định tại Điều 1 theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch, Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Số chứng thực 65342 Quyết định 01 SCT/BS

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHCN.LHB:20

46



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Lại Hồng Khanh Nguyễn Thái Lai

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ NĂM 2012
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (TNMT.05/10-15)**

(Kèm theo Quyết định số: 22/4/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phụ lục 1

Số TT	Tên đề tài	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	TNMT.05.20: Nghiên cứu ứng dụng xây dựng mô hình dự báo sóng tác nghiệp cho vùng biển vịnh Bắc Bộ tại Trung tâm KTTVQG có sử dụng số liệu viễn thám, số liệu RADA biển vụ nghiệp KTTV	Trung tâm Khí tượng thủy văn Quốc gia, Trung Ứng dụng Công nghệ và Bồi dưỡng biển và cải tiến làm thân thiện hóa với người sử dụng các mô hình dự báo sóng thông dụng hiện nay.	- Nâng cao khả năng áp dụng vào thực tiễn các mô hình dự báo sóng biển trong bão và áp thấp nhiệt đới trên cơ sở hiệu chỉnh, kiểm nghiệm các mô hình này nhờ bổ sung thêm nguồn số liệu quan trắc từ ảnh viễn thám, RADA biển và cải tiến làm thân thiện hóa với người sử dụng các mô hình dự báo sóng thông dụng hiện nay. - Xây dựng được hệ thống mô hình dự báo sóng tác nghiệp cho vùng biển vịnh Bắc Bộ tại Trung tâm KTTVQG	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ số liệu quan trắc về sóng, gió, bão trong vòng 20 năm gần đây trên vùng biển vịnh Bắc Bộ - Bộ số liệu sóng thu được từ sản phẩm ảnh viễn thám, RADA biển (độ cao, chu kỳ, hướng sóng). - Bộ tham số thích hợp của mô hình WAM, SWAN áp dụng cho vùng biển vịnh Bắc Bộ trong trường hợp có bão. - Bộ tham số thích hợp của mô hình WAM, SWAN áp dụng cho vùng biển vịnh Bắc Bộ trong trường hợp có gió mùa mạnh, áp thấp nhiệt đới. - Hệ thống mô hình dự báo sóng WAM - SWAN đã được cải tiến làm thân thiện với người dùng áp dụng cho vùng biển vịnh Bắc Bộ - Các kết quả dự báo thử nghiệm. 	2012-2013	1300	cf

Số TT	Tên đề tài	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
2	TNMT.05.21: Nghiên cứu xây dựng công nghệ cảnh báo, dự báo lũ và cảnh báo ngập lụt cho các sông chính ở Quảng Bình, Quảng Trị	Trung tâm tượng văn hóa Khu Thủy Quốc Trung, Khu bảo tồn thiên nhiên Sông Gianh, sông Kiến Giang, sông Bên Hải, sông Thạch Hãn phục vụ công tác dự báo lũ lụt nghiệp.	Xây dựng được một công nghệ cảnh báo, dự báo lũ và cảnh báo ngập lụt cho các sông Gianh, sông Kiến Giang, sông Bên Hải, sông Thạch Hãn phục vụ công tác dự báo lũ lụt nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ cơ sở dữ liệu khí tượng, thủy văn, địa hình trong khu vực nghiên cứu. - Công nghệ dự báo lũ và cảnh báo ngập lụt cho các sông Gianh, Kiến Giang, Bên Hải và sông Thạch Hãn sử dụng cho dự báo tác nghiệp tại Trung tâm Dự báo KTTV Trung ương và Đài Khi tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ. - Tài liệu hướng dẫn cài đặt và sử dụng công nghệ dự báo. - Báo cáo tổng kết đề tài, báo cáo tóm tắt, báo cáo chuyên đề, đĩa CD tài liệu. - Bài báo trên tạp chí khoa học 	2012-2013	1900	

CH

Số TT	Tên đề tài	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
3	TNMT.05.22: Nghiên cứu tích hợp các mô hình thời tiết, thủy, hải văn nhằm nâng cao độ chính xác của dự báo nước trên hệ thống sông Đồng Nai. (P.Viện – P.Thanh Nam)	Viện Khoa học Khoa Thủy văn và Môi trường, Phân viện Khoa Thủy văn và Môi trường phía Nam	1. Tích hợp và ứng dụng được các mô hình thời tiết, thủy, hải văn nhằm nâng cao độ chính xác của dự báo mức nước hệ thống sông Đồng Nai. 2. Góp phần nâng cao năng lực dự báo, phòng chống ngập úng và khai thác sử dụng tài nguyên nước.	1. Cơ sở dữ liệu khí tượng, thủy văn và các dữ liệu liên quan trên lưu vực hệ thống sông Đồng Nai. 2. Số liệu, bộ tham số mô hình, sản phẩm từ các mô hình MM5, WRF, Delft3D, HEC-RAS, HEC-HMS, MIKE DHI. 3. Môđul liên kết nhằm trích xuất dữ liệu từ mô hình thời tiết và định dạng cho các mô hình thủy, hải văn. 4. Kết quả phân tích đánh giá dự báo trường gió, khí áp và nước dâng từ mô hình thời tiết và phân mềm dự báo nước dâng. 5. Kết quả phân tích đặc điểm hoàn lưu trong thời gian có nước dâng do gió. 6. Phần mềm dự báo mục nước tại các cửa sông. 7. Phần mềm và kết quả dự báo mục nước cho hệ thống sông Đồng Nai. 8. Báo cáo đề tài	2012-2013	1000	£ 1
4	TNMT.05.23: Nghiên cứu ứng dụng mô hình HWRF (Hurricane)	Viện Khoa học Khoa Thủy văn và Môi	1. Ứng dụng được mô hình HWRF với sơ đồ ban đầu hóa xoáy, đồng hóa số liệu và kết hợp với mô hình hải	1. Hệ thống mô hình khí quyển/dải dương HWRF cùng với các tiện ích cài xoáy nhân tạo, đồng hóa số	2012-2013	2000	£ 1

Số TT	Tên đề tài	Đơn vị chủ tri	Mục tiêu	Sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chú chú
	Weather Research and Forecasting Model) dự báo quy định và cường độ bão ở Biển Đông	trưởng, Phân Viện KTTV và Môi trường phía Nam	dương để dự báo cường độ và quy định bão ở Biển Đông đến hạn dự báo 72h; 2. Góp phần nâng cao năng lực dự báo bão, dự báo thời tiết (bao gồm cả đào tạo cán bộ) ở Việt Nam bằng công nghệ dự báo hiện đại.	liệu phục vụ dự báo quy định, cường độ bão ở Biển Đông. 2. Báo cáo đánh giá kỹ năng dự báo dự báo quy định, cường độ bão trên Biển Đông của hệ thống mô hình khí quyển/dài dương. 3. Báo cáo kết quả dự báo thử nghiệm trong một mùa bão bằng mô hình HWRF và dự thảo quy trình dự báo nghiệp vụ cho Việt Nam. 4. Báo cáo tổng kết đề tài các tài liệu hướng dẫn sử dụng kèm theo.	Tham gia đào tạo: 1 tiến sĩ và 1-2 thạc sĩ chuyên ngành khí tượng học	Công bố khoa học: Dự kiến công bố 1 bài báo trên tạp chí quốc tế và 2-3 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước	Q



Số TT	Tên đề tài	Đơn vị chủ tri	Mục tiêu	Sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
5	TNMT.05.24: Nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số khí hậu cục đoạn để phục vụ quản lý, giám sát biến đổi khí hậu trên cơ sở bộ chỉ số khí hậu cục đoạn của IPCC	Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được bộ chỉ số khí hậu cục đoạn riêng cho Việt Nam trong điều kiện biến đổi khí hậu, đồng thời với việc đưa ra hướng dẫn phân tích khí hậu cục đoạn phục vụ thực hiện các hành động thích ứng tại Việt Nam; - Đánh giá được sự biến đổi của điều kiện khí hậu cục đoạn ở Việt Nam dựa trên các chỉ số khí hậu cục đoạn của IPCC; - Đánh giá được sự biến đổi của khí hậu cục đoạn trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu trong thế kỷ 21 trên 7 vùng khí hậu ở Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng quan nghiên cứu về chỉ số khí hậu cục đoạn trên thế giới và các nghiên cứu về cục đoạn khí hậu ở Việt Nam; - Cơ sở khoa học và bộ chỉ số khí hậu cục đoạn cho Việt Nam; - Hướng dẫn phân tích khí hậu cục đoạn phục vụ thực hiện các hành động thích ứng tại Việt Nam; - Báo cáo phân tích ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến cục đoạn khí hậu trên 7 vùng khí hậu ở Việt Nam thời kỳ 1950 đến 2010; - Báo cáo phân tích cục đoạn khí hậu trên cơ sở kết quả của kịch bản biến đổi khí hậu. 	2012-2013	1400	

Số: 1097/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

BẢN SAO

**Về việc phê duyệt thuyết minh, dự toán đề tài khoa học công nghệ
cấp Bộ mới năm 2012**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 và Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 25/2011/TT-BTNMT ngày 07 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 30 tháng 11 năm 2011 về việc phê duyệt danh mục các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ mới năm 2012 thuộc Chương trình Khí tượng Thủy văn (TNMT.05/10-15);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thuyết minh đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình HWRF (Hurricane Weather Research and Forecasting Model) dự báo quỹ đạo và cường độ bão ở Biển Đông*”, mã số TNMT.05.23 thuộc Chương trình Khí tượng Thủy văn (TNMT.05/10-15) do Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường chủ trì thực hiện và TS. Hoàng Đức Cường làm chủ nhiệm đề tài với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu của đề tài:

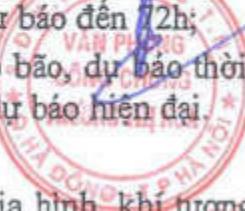
- Ứng dụng và đánh giá được khả năng dự báo cường độ và quỹ đạo bão ở Biển Đông bằng mô hình HWRF với hạn dự báo đến 72h;
- Góp phần nâng cao năng lực dự báo bão, dự báo thời tiết (bao gồm cả đào tạo cán bộ) ở Việt Nam bằng công nghệ dự báo hiện đại.

2. Nội dung chính:

- Thu thập, cập nhật các loại số liệu địa hình, khí tượng, hải dương, bão giai đoạn 2006-2011 phục vụ nghiên cứu mô phỏng diễn biến của bão ở Biển Đông;

Ngày 28-06-2013
6534901

Số chứng thực.....Quyết định.....SCT/BS



Lại Hồng Khanh



- Nghiên cứu cài đặt hệ thống mô hình và xác định các sơ đồ tham số hóa vật lý phù hợp cho mô hình HWRF đối với dự báo bão Biển Đông;
- Nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật ban đầu hóa xoáy và đồng hóa số liệu để tạo trường ban đầu cho mô hình HWRF;
- Thực hiện tính toán và đánh giá khả năng dự báo cường độ và quỹ đạo bão bằng mô hình HWRF sau khi đã lựa chọn được cấu hình và các bộ tham số phù hợp trong điều kiện của Việt Nam;
- Nghiên cứu thử nghiệm tích hợp mô hình hải dương vào mô hình HWRF nhằm dự báo cường độ và quỹ đạo bão ở Biển Đông (HWRF-OCEAN);
- Nghiên cứu đề xuất quy trình dự báo bão nghiệp vụ bằng mô hình HWRF và biên tập các tài liệu hướng dẫn sử dụng;
- Nghiên cứu đề xuất quy trình dự báo bão nghiệp vụ bằng mô hình HWRF và biên tập các tài liệu hướng dẫn sử dụng;
- Thủ nghiệm dự báo nghiệp vụ trong mùa bão 2013 tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, đánh giá chất lượng dự báo và hoàn thiện quy trình dự báo.

3. Sản phẩm giao nộp:

- Cơ sở dữ liệu, tài liệu liên quan đến các nội dung nghiên cứu của đề tài;
- Hệ thống mô hình khí quyển/đại dương HWRF cùng với các tiện ích cài xoáy nhân tạo, đồng hóa số liệu phục vụ dự báo quỹ đạo, cường độ bão ở Biển Đông;
- Báo cáo đánh giá kỹ năng dự báo quỹ đạo bão, cường độ bão trên Biển Đông của hệ thống mô hình khí quyển đại dương;
- Báo cáo kết quả dự báo thử nghiệm trong một mùa bão bằng hệ thống mô hình HWRF và dự thảo quy trình dự báo nghiệp vụ cho Việt Nam;
- Báo cáo tổng kết đề tài, các tài liệu hướng dẫn sử dụng kèm theo.

4. Thời gian thực hiện: 24 tháng

Hoàn thành báo cáo tổng kết đề tài tháng 7 năm 2014

5. Dự toán kinh phí: Kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện đề tài là 1698,130 triệu đồng (*Viết bằng chữ: mốt ty sáu trăm chín mươi tám triệu mốt trăm ba mươi nghìn đồng chẵn*).

Chi tiết tại Thuyết minh đề tài kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng các vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch, Tài chính, Hợp tác quốc tế; Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Lưu VT, KHCN. TDH.10

G
S



Nguyễn Thái Lai





BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU ĐỀ TÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN

HỌP HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU CẤP BỘ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

1. Tên Đề tài: *Nghiên cứu ứng dụng mô hình HWRF (Hurricane Weather Research and Forecasting Model) dự báo quỹ đạo và cường độ bão ở Biển Đông*
2. Chủ nhiệm TS. Hoàng Đức Cường;
3. Quyết định thành lập Hội đồng: Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng

Hội đồng họp vào hồi 13h30 ngày 23 tháng 01 năm 2015 tại Phòng họp, Tòa nhà A, Trụ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường, Số 10, Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội.

5. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá chấm điểm):

Số thành viên có mặt: 8/9 người

Vắng mặt: 1 (PGS.TS. Phan Văn Tân).

6. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

- a) Đại diện các cơ quan quản lý:

- Ông Nguyễn Văn Hiếu, Chuyên viên Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường

- b) Đại diện đơn vị chủ trì và nhóm nghiên cứu đề tài:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng, Viện trưởng Viện KH KTTV&BĐKH

- TS. Mai Văn Khiêm, Giám đốc TT Nghiên cứu Khí tượng Khí hậu

- Bà Trần Thanh Thủy: Trưởng phòng KH ĐT&HTQT

- c) Các đơn vị khác:

Đỗ Huy Dương, Phó trưởng Ban KHCN&HTQT

Dư Đức Tiến, Trung tâm KTTVQG

7. Hội đồng làm việc theo trình tự sau:

- a) Thu ký Hội đồng khai mạc phiên họp, đọc Quyết định thành lập Hội đồng khoa học đánh giá nghiệm thu đề tài, giới thiệu đại biểu và mời chủ tịch Hội đồng điều khiển cuộc họp.

b) Chủ tịch Hội đồng thông qua chương trình cuộc họp và đề nghị chủ nhiệm và các thành viên của hội đồng tập trung vào một số nội dung quan trọng:

- Mục tiêu của Đề tài;
- Các sản phẩm đạt được;

c) Hội đồng lần lượt nghe TS. Hoàng Đức Cường, Chủ nhiệm đề tài báo cáo tóm tắt quá trình thực hiện, nội dung nghiên cứu, các kết quả đạt được của đề tài và các đề xuất, kiến nghị với cơ quan quản lý.

d) Hội đồng lần lượt nhận xét của 2 uỷ viên phản biện:

- **PGS.TS. Vũ Thành Ca:**

- + Nội dung nghiên cứu là cần thiết, quan trọng và cần phải tiếp tục đầu tư nghiên cứu trong tương lai;
- + Cần đầu tư nghiên cứu các bản chất vật lý để nâng cao trình độ và cải thiện được chất lượng mô hình;
- + Phương pháp, cách tiếp cận trong đề tài thể hiện tính khoa học, hiện đại;
- + Nhóm thực hiện đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu theo thuyết minh được đặt ra;
- + Đề nghị chỉnh sửa một số nội dung sau phù hợp: Bổ sung tổng quan mô hình COAMPS của Hải quân Mỹ;
- + Tóm tắt sơ đồ tham số hóa hóa đổi lưu, mô hình lớp biên hành tinh và sơ đồ bức xạ được sử dụng;
- + Bổ sung nhận xét trong kết quả thử nghiệm và giải thích kết quả thử nghiệm so với thực tế ở các hạn dự báo;
- + Lý giải tại sao các mô hình tham số hóa lớp biên và sơ đồ bức xạ khác nhau cho kết quả khác nhau;
- + Chương 3:
 - Phần trình bày lý thuyết các hiệu chỉnh mô hình xoáy cần nêu rõ hơn ý nghĩa vật lý và sự cần thiết phải hiệu chỉnh.
 - Trong phần phân tích cấu trúc các trường vật lý trong bão Ketsana (mục 3.2), tác giả nên xem có thể thảo luận sâu hơn về phần vật lý và lý giải các kết quả mô phỏng không?
 - Phần trình bày lý thuyết mô hình ROMS quá chi tiết, không cần thiết.
 - + Mục 4.2.1 có vẻ lạc đề vì mục này nên trình bày ở Chương 2 chứ không phải ở Chương 4. Mục này cũng viết rất kém. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa cẩn thận.
 - + Đề nghị bỏ các hình 4.5 tới 4.11 đi vì nó quá sơ khai, không xứng đáng trong đề tài nghiên cứu khoa học.

+ Vấn đề quan trọng nhất của mô hình ROMS là vấn đề mô phỏng sóng, dòng chảy, nhiệt độ bề mặt và các quá trình trao đổi nhiệt, hơi nước, động lượng giữa bề mặt đại dương và lớp biển khí quyển. Đề nghị viết lại mục 4.2.1 theo hướng trình bày rõ các sơ đồ tham số hóa để tính toán, đánh giá các thông lượng nhiệt, hơi nước, động lượng giữa bề mặt đại dương và lớp biển khí quyển.

+ Trang 116 viết mô hình hải dương trong hệ thống kết nối COAWST là mô hình ROMS. Tuy vậy, các kết quả trong các hình từ 4.20 tới 4.39 lại cho kết quả mô hình COAWST và kết quả mô hình ROMS khác nhau.

+ Phần kiến nghị, đề nghị từng bước hoàn chỉnh mô hình kết nối đại dương, khí quyển, đưa đồng hóa các số liệu quan trắc radar thời tiết, radar biển vào để dự báo; đồng thời có những nghiên cứu ứng dụng mô hình COAMPS và so sánh với các mô hình hiện đang sử dụng.

- ThS. Trần Duy Hiền đọc bài phản biện của GS.TS.Phan Văn Tân:

+ Trong bài toán dự báo bão, sai số dự báo quỹ đạo đường như đã gần tiệm cận đến giới hạn dưới; và việc nâng cao chất lượng dự báo quỹ đạo ngày càng trở nên khó khăn hơn trong khi sai số dự báo cường độ vẫn còn khá lớn;

+ Một trong những hướng có thể cải thiện chất lượng dự báo bão ở Việt Nam là tìm kiếm và ứng dụng những mô hình tiên tiến và/hoặc cải tiến các mô hình sẵn có;

+ Chương 1:

- Đề nghị nhóm thực hiện lâm rõ nội dung trong mục 1.2.2 tác giả chỉ mô tả 2 lưới lồng nhau (27km và 9km) còn trong bảng 1.1 lại có 3 lưới (27, 9, 3km);

- Việc minh họa miền tính trên hình 1.5 là không hợp lý, cần phải được thay thế bởi một trường hợp trong loạt các thử nghiệm của chính đề tài;

- Chú thích trong các công thức (1.1)-(1.4) cũng cần phải được mô tả đầy đủ mặc dù đây là những công thức thông thường;

+ Chương 5: Chương 4 trình bày kết quả thử nghiệm kết hợp mô hình hải dương khí quyển và ứng dụng cho dự báo bão trên Biển Đông thông qua hệ thống kết nối COAWST, trong đó mô hình đại dương là mô hình ROMS. Thực tế đây là phần thay thế cho mô hình HWRF hoàn chỉnh dự kiến ban đầu. Phần lý thuyết của mô hình ROMS đã được tác giả trình bày khá chi tiết. Tuy nhiên, theo chúng tôi, vì đề tài không chú trọng đến việc phát triển mô hình nên hợp lý hơn là rút gọn phần này và chỉ cần nêu những vấn đề quan trọng nhất có liên quan đến việc kết hợp hai thành phần khí quyển - đại dương, tức là các đại lượng trao đổi giữa mô hình khí quyển và đại dương.

- ThS. Võ Văn Hòa:

+ Làm rõ kích thước D02 và D03 là bao nhiêu;

- + Nhận trí với việc thực hiện các nội dung đặt ra;
- + Bổ sung tổng quan về HWRF trên thế giới;
- + Nên lưu ý về việc chọn số mục thẳng đứng, cần phải tăng lên 50-60 mục thẳng đứng, đặc biệt đối với mô hình dự báo bão;
- + Cần thống nhất nguồn số liệu cả trong dự báo và trong đánh giá, không nên sử dụng số liệu phục vụ dự báo và số liệu đánh giá từ 2 nguồn khác nhau;
- + Kết luận của đề tài quá dài;
- + Quy trình dự báo quá dài và không phân biệt so với quy trình của các mô hình khác;
- + Xem xét lại nội dung “Qua mô phỏng... cài xoáy trang 115 và khi cài xoáy xongtrang 115 ” không chuẩn xác. Việc cài xoáy chỉ cho kết quả tốt trong thời gian đầu và sau thì sẽ không còn tốt nữa;
- + Kiến nghị: tiếp tục bổ sung nghiên cứu cơ chế đối với nghiên cứu mô hình HWRF (thực tế thì dự báo thì không tốt nhưng sử dụng cho nghiên cứu thì vẫn tốt);

- TS.Trần Quang Đức:

- + Sản phẩm số 2 và 3 chưa hoàn thiện so với thuyết minh đặt;
- + Một số nội dung quá dài, chưa hoàn thiện các sản phẩm;
- + Còn nhiều lỗi trình bày;
- + Kết luận cần viết lại theo hướng ngắn và cô đọng hơn;
- + Đã so sánh được kết quả dự báo của đề tài với công bố của NCEP;
- + Xem lại thời gian đổi với Quy trình nghiệp vụ;
- + Làm rõ việc thay thế mô hình khác so với mô hình đã được đặt ra ảnh hưởng đến kết quả như thế nào? Các biến trao đổi trong nghiên cứu là thông lượng hay là các biến?
- + Mô hình ROM thay POM, có khác biệt và ưu việt như thế nào?

- PGS.TS. Dương Hồng Sơn:

- + Kết luận nêu Cường độ bão có kết hợp thì yếu hơn so với đơn thuần cần phải giải thích lại;

- + Nội dung đồng hóa rada là cần thiết, và việc dự báo mưa khá tốt mặc dù đây không phải nhiệm vụ của Đề tài;
- + Kết hợp POM và Rom không khác nhau về bản chất. COAST là có sử dụng khí quyển còn kia là không.
- + Vai trò của Biển chưa đóng vai trò lớn trong dự báo. Có thể do miền tính quá rộng. Cần làm rõ nội dung này;

- TS. Bùi Minh Tăng:
 - + Đây là mô hình dành riêng cho dự báo bão, là mô hình hiện đại có kết hợp giữa đại dương và khí quyển;
 - + Việc thử nghiệm cho 6 mùa bão với kết quả này là chấp nhận được;
 - + Chưa thấy vai trò của kết hợp không rõ (ảnh hưởng của Đại dương);
 - + Kết quả đánh giá đến mưa do bão và so sánh mưa với TRMM là không chuẩn, cần phải so sánh với mưa trạm.
- PGS.TS. Nguyễn Văn Tuyên:
 - + Làm rõ cách xác định gió cực đại trong Chương 1. Kết quả công bố giữa P_{min} và V_{max} không thống nhất;
 - + Cần phải chỉ ra điểm mạnh, điểm khác biệt, ưu việt của HWRF trong khi lựa chọn mô hình;
 - + Chương 2: việc đánh giá quỹ đạo và cường độ bão phải dựa vào dạng quỹ đạo bão, việc lựa chọn theo bão điển hình theo năm thiếu hợp lý
 - + Chương 3: Kết luận mục 3.3 chưa rõ ràng;
 - + Chương 4: việc hiệu chỉnh kiểm nghiệm mô hình chưa đưa ra giới hạn cho phép;
 - + Đánh giá dự báo mưa không có ý nghĩa khoa học;
 - + Sản phẩm đề tài về có bản hoàn thành so với thuyết minh đặt ra;
- PGS.TS. Nguyễn Lê Tâm
 - + Bão đi với tốc độ nhanh nên việc trao đổi không phù hợp. Vậy tiêu chí lựa chọn cơn bão như thế nào? Tại sao không chọn cơn bão đi chậm hơn.
 - + Sai số nghiệp vụ về dự báo bão hiện nay như thế nào?
 - + Thời gian chạy nghiệp vụ là bao nhiêu?
 - + Quá trình trao đổi giữa 2 mô hình là như thế nào?
- Chủ nhiệm và nhóm thực hiện đề tài giải trình:
 - + Tiếp thu ý kiến của TS. Vũ Thanh Ca và PGS. Nguyễn Văn Tuyên về bổ sung thêm thông tin;
 - + Chú thích về mô hình ROM và COAST đã được tích hợp (đã kết hợp)
 - + Các tham số hóa vật lý quan trọng và ảnh hưởng đến kết quả. Việc tăng độ phân giải lên mức cao có thể không cần thiết về tham số hóa đối lưu.
 - + Khi đã kết hợp mô hình thì cường độ bão lại yếu đi;
 - + Tiếp thu ý kiến của PGS.TS. Phan Văn Tân;
 - + Tiếp Thu ý kiến của ThS Võ Văn Hòa. Số mục tính theo phương thẳng đứng là cần thiết. Tuy nhiên chưa có đánh giá về vai trò của số mục thẳng đứng và sự phù hợp giữa tăng độ phân giải ngang và độ phân giải đứng.
 - + Chấp nhận được nguồn số liệu đánh giá do bão mạnh;

- + Việc đồng hóa xoáy và đồng hóa số liệu trường ban đầu là khác nhau, do thay đổi cả cấu trúc bão.
- + Hướng nghiên cứu tiếp theo về HWRF trong tương lai là cần thiết để nghiên cứu cơ chế.
- + Quy trình dự báo: tùy thuộc năng lực máy tính. Đối với máy tính ở Viện Khoa học KTTV&BDKH thì dự báo 05 ngày hết 04 giờ máy.
- + Khi kết hợp mô hình khí quyển đại dương thì cường độ gió yếu đi do SST gần tâm bão bị làm lạnh đi liên quan đến hiện tượng nước trồi.
- + Lượng mưa mô phỏng được ước lượng nhỏ hơn thực tế do lượng mưa chỉ trích xuất ở miền tính 27km.
- + Việc lựa chọn cơn bão theo quỹ đạo là hợp lý.

7. Kết quả bỏ phiếu đánh giá:

- Số phiếu phát ra: 8 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 8 phiếu

Trong đó:

- + Số phiếu đánh giá đạt loại Xuất sắc: 03 phiếu
- + Số phiếu đánh giá đạt loại Khá: 05 phiếu
- + Số phiếu đánh giá đạt loại Đạt: 0 phiếu
- + Số phiếu đánh giá không đạt: 0 phiếu
- + Đề tài đạt loại điểm trung bình: 31.9, xếp loại Khá

8. Kết luận của Chủ tịch Hội đồng:

- Ưu điểm:

- + Đề tài đã bám sát đề cương được phê duyệt, thực hiện đầy đủ và thêm các nội dung, có được các sản phẩm như đăng ký;
- + Đề tài đã tập hợp được nhiều chuyên gia ở các đơn vị khác nhau cùng thực hiện;
- + Các phương pháp nghiên cứu phù hợp; mô hình có thể chạy tự động;
- + Sản phẩm có khả năng sử dụng để thử nghiệm, áp dụng nghiệp vụ vào dự báo, kết quả dự báo tương đương với các dự báo của Hồng Kông, Trung Quốc, Nhật và Mỹ;

- Tồn tại của Đề tài:

- + Chưa thử nghiệm được HWRF cho khu vực Tây Biển Đông do chưa có số liệu địa hình đáy biển vì vậy sản phẩm chưa hoàn toàn đúng với Thuyết minh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt;

- + Chưa trình bày nội dung liên quan đến đồng hóa số liệu;

- Những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa:

- + Bổ dung thông tin về đồng hóa số liệu;

- + Tổng quan nội dung liên quan đến mô hình COAMPS của Hải quân Mỹ, Tổng quan mô hình HWRF hiện nay trên thế giới;
 - + Nêu các tiêu chí lựa chọn các cơn bão để thử nghiệm. Giải trình lý do không lựa chọn cơn bão điển hình theo quỹ đạo;
 - + Bổ sung kết quả so sánh với kết quả dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia;
 - + Bổ sung cơ chế trao đổi thông lượng giữa mô hình khí tượng và mô hình hải dương;
 - + Biên tập lại các lỗi trình bày;
 - + Lâm rõ lý do cho việc nghiên cứu cấu trúc bão với số lượng mực chia quá ít, các miền tinh.
 - + Chọn lọc, tiếp thu các ý kiến của các UV hội đồng khác để chỉnh sửa báo cáo tổng kết;
 - + Hoàn thiện các sản phẩm và báo cáo tổng kết trước 28 tháng 02 năm 2015.
- **Kiến nghị của Hội đồng:**
- + Đồng ý nghiệm thu sau khi chủ nhiệm và nhóm thực hiện hoàn thiện các ý kiến góp ý của Hội đồng;
 - + Cho áp dụng tại Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương
 - + Tiến hành nghiên cứu tiếp theo hướng này.
- **Đánh giá chung:**
- + 1. Hội đồng nhất trí nghiệm thu đề tài sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện.
 - + 2. Các yêu cầu khác:
 - Chủ nhiệm đề tài cần giao nộp báo cáo kết quả đề tài sau khi chỉnh sửa theo ý biên bản họp, thực hiện đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả theo quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN về “Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.
 - Nộp 01 bộ tại Thư viện cơ quan chủ trì đề tài;
 - Nộp 01 bộ tại Thư viện cơ quan thực hiện đề tài;
 - Nộp 01 bộ, đĩa CD có ghi toàn bộ kết quả nghiên cứu, các báo cáo chuyên đề và số liệu thu thập, các sản phẩm phần mềm (código chương trình, nếu có) về Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - 02 bản báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu tại Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Nộp 01 bản sao giấy chứng nhận nộp lưu trữ tại Bộ Khoa học và Công nghệ có công chứng về Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ nhiệm đề tài và đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài nguyên và Môi trường để tiến hành các thủ tục thanh lý Hợp đồng.
- Cần hoàn thiện, giao nộp các sản phẩm của đề tài về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 28 tháng 2 năm 2015.

9. Cuộc họp HĐ kết thúc: Vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



TRẦN DUY HIỀN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



NGUYỄN LÊ TÂM

GIẤY CHỨNG NHẬN

BẢN SAO

ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Số đăng ký: 2015-04-446/KQNC

Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu ứng dụng mô hình HWRF (Hurricane Weather Research and Forecasting Model) dự báo quỹ đạo và cường độ bão ở Biển Đông
CẤP BỘ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu

Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. HOÀNG ĐỨC CƯỜNG

Cá nhân tham gia: TS. Mai Văn Khiêm; TS. Nguyễn Văn Hiệp;
ThS. Đàm Duy Hùng; TS. Nguyễn Xuân Hiển;
TS. Trần Quang Đức; ThS. Dư Đức Tiến

Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
được thành lập theo Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, họp ngày 23 tháng 01 năm 2015 tại Hà Nội

đã đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ./.

Giấy chứng thực 6535.0 quyển số 0...1 SCT/BS

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2015



CONG CHUNG VIEN

Lại Hồng Khanh

Đào Mạnh Thắng

Hồ sơ lưu tại:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Địa chỉ: 24-26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Số hồ sơ lưu: 11326/KQNC

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên đề tài: Nghiên cứu ứng dụng mô hình HWRF (*Hurricane Weather Research and Forecasting Model*) dự báo quỹ đạo và cường độ bão ở Biển Đông

Thuộc Chương trình: Khí tượng Thủy văn, mã số TNMT.05/10-15.

Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Chủ nhiệm đề tài: TS. Hoàng Đức Cường

1. Mục tiêu của đề tài:

- Ứng dụng và đánh giá được khả năng dự báo cường độ và quỹ đạo bão ở Biển Đông bằng mô hình HWRF với hạn dự báo đến 72h;

- Góp phần nâng cao năng lực dự báo bão, dự báo thời tiết (bao gồm cả đào tạo cán bộ) ở Việt Nam bằng công nghệ dự báo hiện đại.

2. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

- Thu thập, cập nhật các loại số liệu địa hình, khí tượng, hải dương, bão giai đoạn 2006-2011 phục vụ nghiên cứu mô phỏng diễn biến của bão ở Biển Đông

- Nghiên cứu cài đặt hệ thống mô hình và xác định các sơ đồ tham số hóa vật lý phù hợp cho mô hình HWRF đối với dự báo bão Biển Đông.

- Nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật ban đầu hóa xoáy và đồng hóa số liệu để tạo trường ban đầu cho mô hình HWRF

- Thực hiện tính toán và đánh giá khả năng dự báo cường độ và quỹ đạo bão bằng mô hình HWRF sau khi đã lựa chọn được cấu hình và các bộ tham số phù hợp trong điều kiện của Việt Nam.

- Nghiên cứu thử nghiệm tích hợp mô hình hải dương vào mô hình HWRF nhằm dự báo cường độ và quỹ đạo bão ở Biển Đông (HWRF-OCEAN)..

- Nghiên cứu đề xuất quy trình dự báo bão nghiệp vụ bằng mô hình HWRF và biên tập các tài liệu hướng dẫn sử dụng.

- Thủ nghiệm dự báo nghiệp vụ trong mùa bão 2013 tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, đánh giá chất lượng dự báo và hoàn thiện quy trình dự báo.

- Tổng kết đề tài.

3. Sản phẩm đạt được

- Cơ sở dữ liệu, tài liệu liên quan đến các nội dung nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống mô hình khí quyển/đại dương HWRF cùng với các tiện ích cài xoáy nhân tạo, đồng hóa số liệu phục vụ dự báo quỹ đạo, cường độ bão ở Biển Đông.

- Báo cáo đánh giá kỹ năng dự báo quỹ đạo bão, cường độ bão trên Biển Đông của hệ thống mô hình khí quyển đại dương

- Báo cáo kết quả dự báo thử nghiệm trong một mùa bão bằng hệ thống mô hình HWRF và dự thảo quy trình dự báo nghiệp vụ cho Việt Nam

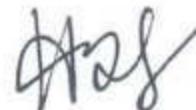
- Báo cáo tổng kết đề tài, các tài liệu hướng dẫn sử dụng kèm theo

4. Những người thực hiện

1. TS. Hoàng Đức Cường	Chủ nhiệm đề tài
2. TS. Mai Văn Khiêm	Thành viên chính
3. TS. Nguyễn Văn Hiệp	Thành viên chính
4. Ths. Đàm Duy Hùng	Thành viên chính
5. Ths. Nguyễn Xuân Hiển	Thành viên chính
6. TS. Trần Quang Đức	Thành viên chính
7. Ths. Dư Đức Tiên	Thành viên chính

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2017

Chủ nhiệm đề tài



TS. Hoàng Đức Cường

Số: 958/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

BẢN SAO

Về việc phê duyệt tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì các đề tài nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng thực hiện trong kế hoạch năm 2011

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục các đề tài nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng thực hiện trong kế hoạch năm 2011;

Căn cứ kết quả làm việc và kiến nghị của các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng bắt đầu thực hiện từ năm 2011;

Theo đề nghị của các Ông/Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này các tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện 13 đề tài nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng bắt đầu thực hiện trong kế hoạch năm 2011 (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

Lại Hồng Khanh

Điều 2. Các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước nêu tại Điều 1 có trách nhiệm hoàn chỉnh Thuyết minh đề tài theo kiến nghị của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ để Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và phê duyệt nội dung, kinh phí theo quy định hiện hành.



Điều 3. Thủ trưởng các tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài, các Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ, ngành chủ quản;
- Lưu VT, Vụ KHTC.



Lê Đình Tiến

113
PHÒNG
3 CHỦ
NGHỊ
VĂN - TẠ

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY
TƯ

Phụ lục

DANH MỤC OẠC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRÚNG TUYỀN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHẬM VỤ
NHẬP KHẨU HƯƠNG ỨNG DỤNG THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2011
(Trích Quyết định số 10/QĐ-NKHCN ngày 07 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)



Số TT	TT	Tổ chức chủ trì	Cá nhân chủ trì	Ghi chú
10	* Trung tâm KHCN Khí tượng, Thủy văn và Môi trường Liên hiệp các hội KHKTVN	GS.TS. Nguyễn Trọng Hiệu		

1 Nghiên cứu những đặc trưng cơ bản và tác động của ENSO đến hạn hán, mưa lớn ở Việt Nam và khả năng dự báo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2011

HỢP ĐỒNG
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
Số: ĐT.NCCB-ĐHƯD.2011-G/12

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;
Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Quyết định số 787/QĐ-BKHCN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" và "Mẫu báo cáo định kỳ" để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ độc lập cấp Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1027/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt nội dung và kinh phí đề tài nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng bắt đầu thực hiện trong kế hoạch năm 2011;

Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên,

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên giao (Bên A) là:

- a. Bộ Khoa học và Công nghệ
- Do ông Nghiêm Xuân Minh
- Chức vụ: Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên làm đại diện
- Địa chỉ: 113 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội;
Tel: 043 8228873, Fax: 043 9439733

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 28-06-2019
6536801

Số chứng thực..... Quyển số..... SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh

b. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

- Đại diện: Nguyễn Mạnh Đôn
- Chức vụ: Trưởng Ban Khoa học Công nghệ và Môi trường
- Địa chỉ: 53 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số tài khoản: 301.01.265 - Kho bạc Nhà nước Hà Nội
- Tel: 04.39436015, Fax: 04.38227593

2. Bên nhận (Bên B) là:

a. Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài: Trung tâm Khoa học Công nghệ Khí tượng Thủy văn và Môi trường

- Đại diện: Ông Nguyễn Đức Ngũ

- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm

- Địa chỉ: Số 48A, ngách 42, ngõ 291 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Số tài khoản: 301.01.114 - Kho bạc Nhà nước Cầu Giấy, Hà Nội

- Điện thoại : 04.37591001, Mobile: 0982482469

b. Chủ nhiệm Đề tài

- GS.TS Nguyễn Trọng Hiệu, Nghiên cứu viên cao cấp

- Địa chỉ cơ quan: Số 48A, ngách 42, ngõ 291 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Địa chỉ nhà riêng: 123/49 Xuân Thủy, Hà Nội,

- Điện thoại: 04.38335065, Mobile: 01274969692, E-mail: hieu.nt38@gmail.com

**Cùng nhau thoả thuận và đi đến thống nhất ký kết
Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
(sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:**

Điều 1. Giao và nhận thực hiện Đề tài

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện Đề tài độc lập cấp Nhà nước (dưới đây viết tắt là Đề tài): "Nghiên cứu những đặc trưng cơ bản và tác động của ENSO đến hạn hán, mưa lớn ở Việt Nam và khả năng dự báo", theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài đã được Bên A phê duyệt.

Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2, 3 của Hợp đồng ban hành kèm theo Quyết định này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Đề tài là 36 tháng, từ tháng 10/2011 đến tháng 9/2014.

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài là: 3.750 triệu đồng (Ba tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), trong đó: Kinh phí được khoán theo Thông tư số 93/2006/ TT-LT/ BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 là: 3.492,40 triệu đồng (Ba tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Bên B nhận thực hiện Đề tài trên theo đúng các nội dung yêu cầu được quy định tại Hợp đồng này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Duyệt Thuyết minh Đề tài và kiểm tra tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo các nội dung trong Phụ lục 2, 3 kèm theo Hợp đồng này.

b. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong **Thuyết minh Đề tài**, các **Phụ lục 1, 2, 3** kèm theo Hợp đồng; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

c. Cấp cho Bên B số kinh phí quy định tại **khoản 1 Điều 1** theo tiến độ từng năm, được thể hiện trong các **Phụ lục 3** của Hợp đồng.

d. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A kiểm tra tình hình thực hiện nội dung và khối lượng công việc đạt được của Đề tài phù hợp với kinh phí đã sử dụng và theo tiến độ thực hiện nêu trong **Thuyết minh Đề tài** và các **Phụ lục 3** của Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp số kinh phí hoặc ngừng cấp kinh phí (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ hoặc sử dụng kinh phí không đúng mục đích).

e. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có).

f. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

g. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết trong **Thuyết minh Đề tài** để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến Đề tài không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong **Thuyết minh Đề tài** dẫn đến kết quả của Đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo **Thuyết minh Đề tài**;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

h. Quyết định xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài.

i. Uỷ quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của Đề tài (nếu có) theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

k. Phân định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam:

- Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thực hiện các điểm b, i khoản 1 của Điều này.

- Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện các điểm c, đ khoản 1 của Điều này.

- Bộ Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam cùng chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, d, e, g, h khoản 1 của Điều này.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Hướng lợi ích thu được (nếu có) do việc khai thác thương mại các kết quả của Đề tài theo quy định của pháp luật hiện hành.

b. Cùng với các cá nhân trực tiếp thực hiện Đề tài đứng tên trong Đề tài theo quy định của pháp luật hiện hành

c. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết.

d. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện được: không cấp đủ kinh phí thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng; không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất chính đáng của Bên B làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ thực hiện nội dung của Đề tài.

đ. Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chi tiêu trong **Thuyết minh Đề tài**, các **Phụ lục 1, 2, 3** kèm theo Hợp đồng.

e. Xây dựng kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm trang bị, thiết bị theo quy định.

g. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định.

h. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.

i. Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần và báo cáo đột xuất khi bên A yêu cầu về tình hình thực hiện Đề tài, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo (theo mẫu do Bộ KH&CN quy định).

k. Thực hiện việc đánh giá cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các tài liệu, mẫu sản phẩm nêu trong **Thuyết minh Đề tài** và các **Phụ lục 1, 2** kèm theo Hợp đồng, báo cáo quyết toán tài chính của Đề tài và toàn bộ hồ sơ đã được hoàn chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở để Bên A tiến hành tổ chức thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước theo quy định hiện hành.

l. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

m. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài, cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

n. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu. Công bố, sử dụng, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu của Đề tài theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

o. Đăng ký kết quả nghiên cứu của Đề tài tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định.

p. Phân định trách nhiệm của Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài và Chủ nhiệm Đề tài:

- Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm e, m khoản 2 của Điều này.

- Chủ nhiệm Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm c, đ, h, n khoản 2 của Điều này.

- Chủ nhiệm Đề tài cùng Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, b, d, g, i, k, l, o khoản 2 của Điều này.

OK

Điều 3. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với Đề tài đã kết thúc:

a. Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A tất toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành.

b. Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

2. Đối với Đề tài không hoàn thành:

a. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính.

b. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải hoàn trả ngân sách Nhà nước 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải hoàn trả số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B phải hoàn trả 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

c. Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện Đề tài:

- Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Đề tài.

- Nếu hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu theo Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu theo Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp theo Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp theo Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng mới.

Điều 4. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài sản được mua sắm bằng kinh phí Ngân sách Nhà nước (NSNN) cấp cho Đề tài được thực hiện như sau:

a. Đối với Đề tài đã kết thúc:

- Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu: việc xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí NSNN cấp cho Đề tài đã được Bên A chấp nhận quyết toán cho Bên B được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu: việc xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí NSNN cấp cho Đề tài đã được Bên A chấp nhận quyết toán cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu được thực hiện theo quy định hiện hành.

b. Đối với Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế, hoặc do một bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng: việc xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí NSNN cấp cho Đề tài đã sử dụng và đã được Bên A chấp nhận quyết toán cho Bên B trên cơ sở khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng được hai bên phối hợp xác định được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Xử lý các sản phẩm vật chất của Đề tài sử dụng kinh phí của NSNN: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường, sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân phối theo quy định hiện hành.

Điều 5. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai Bên có trách nhiệm thực hiện bảo mật các kết quả, sản phẩm khoa học theo quy định về bí mật nhà nước.

4. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 6: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2011. Hợp đồng gồm 11 trang được lập thành 8 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 4 bản.

Bên A (Bên giao)

**TL BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Vụ trưởng

Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên



Nghiêm Xuân Minh

Bên B (Bên nhận)

Chủ nhiệm Đề tài

Nguyễn Trọng Hiệu

**TL. CHỦ TỊCH
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM**

Trưởng ban

Khoa học, Công nghệ và Môi trường



Nguyễn Mạnh Đôn

**Cơ quan chủ trì Đề tài
TRUNG TÂM KHHCN KHÍ TƯỢNG
THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Giám đốc Trung tâm



Nguyễn Đức Ngữ



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHÍ CHẾ ĐÁNH GIÁ
NGHIÊN CỨU CỦA NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2015

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CẤP NHÀ NƯỚC**

1. Tên nhiệm vụ: Đề tài nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng “Nghiên cứu những đặc trưng cơ bản và tác động của ENSO đến hạn hán, mưa lớn ở Việt Nam và khả năng dự báo”

- Chủ nhiệm nhiệm vụ: GS.TS Nguyễn Trọng Hiệu
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm khoa học công nghệ Khí tượng, Thuỷ văn và Môi trường, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

2. Quyết định thành lập Hội đồng số: 03 /QĐ-BKHCN ngày 06 /01/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Phiên trù bị tại *bộ KHCN* ngày 16 tháng 01 năm 2015

Phiên đánh giá tại *bộ KHCN* ngày 16 tháng 01 năm 2015

KHOA
HỌC

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá):

Vắng mặt: 0 người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá)

TT Đơn vị công tác

Họ và tên

1 Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ:

TS. Nguyễn Thị Thành Hà, phó Vụ trưởng Vụ Tự nhiên và Xã hội
Ông Đặng Quang Minh và Ông Hà Văn Đạo, chuyên viên

bộ KHCN

2 Đại diện bộ ngành chủ quản:

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...):

- *bao các trình bày rõ ràng*
- *Các tài liệu công nghệ, sản phẩm được trình bày đầy đủ*
- *Cần trích dẫn đầy đủ hơn, và cái hình chuẩn hơn*

d) Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước: *Đã tái bản, công bố trên 01 bài báo quốc tế (ISI), 1 bài báo quốc tế khai cồn cần thiết, sáu số; 06 bài báo trong nước và 04 bài báo thay*

e) Kết quả tham gia đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ: *đã tài có 01 Thạc sĩ và 02 bài vệ, hiện đang tham gia đào tạo 01 Thạc sĩ, và 02 nghiên cứu sinh*

g) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng: *không có*

h) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ:

i) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:
*kết quả của đề tài có thể phục vụ yêu cầu của xã hội
về hiến biết, dù báo hán han và mâu lâm*

5. Căn cứ kết quả bô phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại đề tài ở mức sau (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

• Xuất sắc:

Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt 60 điểm và có được một trong các kết quả sau:

- Có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);
- Đã được cấp ít nhất 01 văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;



- Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.

• **Khá:**

Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên và có được một trong các kết quả sau:

- Có ít nhất 02 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia

- Có ít nhất 01 sách chuyên khảo được xuất bản (hoặc có giấy xác nhận về bản thảo được chấp thuận in và thời gian in của Nhà xuất bản).

• **Trung bình:**

Đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm trong đó, tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên.

• **Không đạt:**

Khi có tổng số điểm đạt dưới 60 điểm; hoặc khi có tổng số điểm của nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 đạt dưới 50 điểm.

6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của đề tài (chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức "Không đạt"):

7. Hội đồng đề nghị:

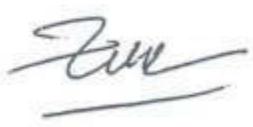
- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận kết quả đánh giá đề tài.

- Kiến nghị khác (nếu có): *Các tài liệu bô sung chứng kết quả đạt được theo mẫu*
về tài chính sửa chữa, khen thưởng, đề nghị tiếp tục đầu tư nghiên
cứu, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống...)

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)


Nguyễn Diep Thành

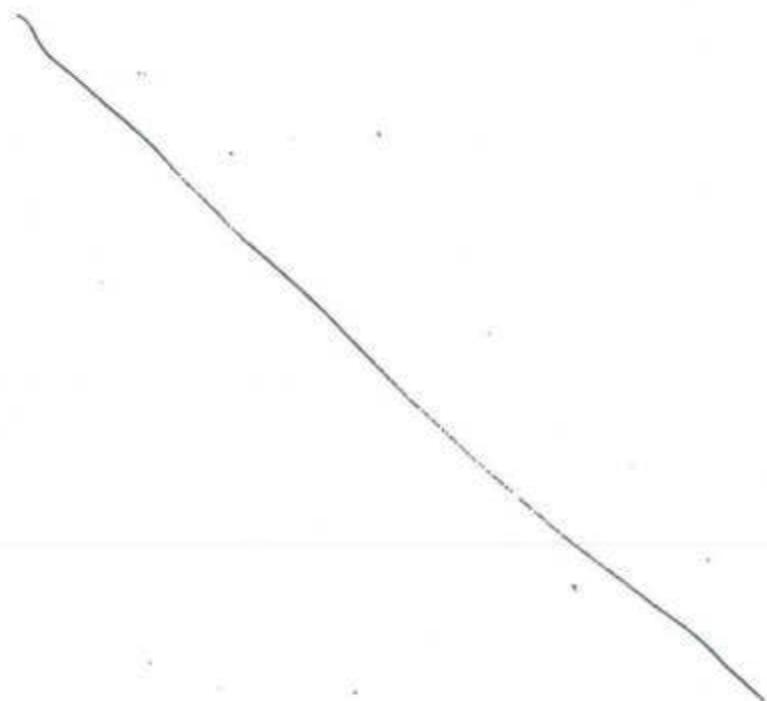
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)


Trần Tân Tuổi

Phụ lục kèm theo biên bản đánh giá

**CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG KHẨU HÓA ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC**

- ① 02 phần biên đúc nhận xét (xin xem văn bản)



THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)



Ngô Duy Thành

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)



Trần Tân Tiến

⑦ Có sự viễn cảnh của lão?

① GS. Trần Phúc

10/11/2014 (I)

SPT

- Chỉ số ENSO, tài sản lài dùng chỉ tiêu lão?

- Thủ thuật thống kê?

- Lão tràn lão, lão tràn mưa lớn?

- Quan hệ giữa ENSO và lão, mưa lớn với biến đổi lão?

② TS. Tùng:

- Liệu có tài có mô phỏng các trường ENSO sau không có trường nhiệt độ?

③ GS. Tiên:

- Chuỗi kết quả?

- Các quy trình có tự đồng không? Có thể làm được không?

④ TS Giang:

- Mô hình CAM-SOM có chạy liên tục?

- Mức độ chính xác của dữ liệu 70-80% cho hạn chế thời gian bao lâu?

⑤ GS. Văn:

- Liệu có thể có tổng kết về quy luật ảnh hưởng của ENSO lên các vùng khí hậu?

- Bổ sung thêm phân tích các trường?

⑥ TS. Xuân Anh

- Điều kiện biến và điều kiện ban đầu?

- Tài năng của quy mô nhỏ lên quy mô lớn?

- Có thể tích hợp các quy mô số liệu mới?

II) Đáp thế
tại giá trị lớn

⑦ TS Thành: mìnhi chứng bài báo số 2 Joc

Các thành viên thảo luận

(II)
npp

① GS. Võ Văn Nhàn: Nên xác định rõ mục tiêu, nêu ý kiến về đề tài
(in đậm) (in đậm)

② GS Tân

- Nêu vấn đề lý thuyết để xác minh đại dương

③ TS. Tường

- Nêu vấn đề phân tích của việc đánh giá tác động

④ TS. Xuân Anh

- Nêu vấn đề về hướng mục tiêu số để chấm điểm

⑤ PGS. Văn:

- Nêu vấn đề nghiên cứu phân tích và sẽ rất khó để có thể
thông nhất cho điểm

⑥ GS. Tiến:

- Phương pháp thống kê tin cậy

- Phân động lực chưa áp dụng được ngay, còn hạn chế

- Các sản phẩm bài báo, đào tạo dạy túi



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2015

KIỂM PHIẾU CHẨM ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Tên nhiệm vụ: Đề tài nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng “Nghiên cứu những đặc trưng cơ bản và tác động của ENS đến hạn hán, mưa lớn ở Việt nam và khả năng dự báo”

Họ và tên thành viên Hội đồng và điểm đánh giá trung ương									Điểm trung bình của các thành viên Hội đồng
GS. Trần Tân Tiên	GS. Trần Thực	TS. Nguyễn Văn Hải	TS. Ngô Tiên Giang	GS. Phan Văn Tân	PGS. Nguyễn Văn Khanh	TS. Bùi Minh Tăng	TS. Nguyễn Xuân Anh	TS. Ngô Đức Thành	
Điểm các nội dung 1, 2, 3.	55	55	60	60	56	58	55	57	60
Điểm nội dung từ 4 đến 9	25	33	28	28	25	30	30	31	29
Cộng	80	88	88	87	81	88	85	87	86,0

Xếp loại Đề tài (danh dấu ✓ vào ô tương ứng):

• Đạt:

Mức Xuất sắc:

Mức Khá:

Mức Trung Bình:

- Đạt:
- Không đạt:

Các thành viên Ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký của từng thành viên)

Trưởng Ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

Nguyễn Văn Hải

Đỗ Mạnh C

Phan Văn Tân

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Số đăng ký: 2015-12-085/KQNC

Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu những đặc trưng cơ bản và tác động của ENSO
đến hạn hán, mưa lớn ở Việt Nam và khả năng dự báo
(Thuộc Chương trình nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng)

CẤP QUỐC GIA

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trung tâm KHCN Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì: Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam

Chủ nhiệm nhiệm vụ: GS.TS. NGUYỄN TRỌNG HIỆU

Cá nhân tham gia: GS.TSKH. Nguyễn Đức Ngữ; ThS. Phạm Thị Thanh Hương;

PGS.TS. Phạm Vũ Anh; PGS.TS. Trần Việt Liễn;

TS. Nguyễn Văn Hiệp; TS. Mai Văn Khiêm;

TS. Trần Quang Đức; ThS. Vũ Văn Thăng

Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 01 năm 2015

của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, họp ngày 16 tháng 01 năm 2015 tại Hà Nội

đã đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ./.

Số chứng nhận: 6.5.3.5.080.1.SCT/BS

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2015



Hồ sơ lưu tại:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Địa chỉ: 24-26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Số hồ sơ lưu: 10965/KQNC

Lê Xuân Định

CỘNG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP NHÀ NƯỚC

Tên đề tài: Nghiên cứu những đặc trưng cơ bản và tác động của ENSO đến hạn hán, mưa lớn ở Việt Nam và khả năng dự báo

Thuộc Chương trình: Nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng.

Cơ quan chủ trì đề tài: Trung tâm Khoa học Công nghệ Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Nguyễn Trọng Hiệu

1. Mục tiêu của đề tài:

- Mô phỏng được sự biến động và cơ chế tác động của ENSO đến hạn hán và mưa lớn ở Việt Nam.
- Xác định được mối quan hệ giữa hoạt động của ENSO với hạn hán và mưa lớn ở Việt Nam.
- Xây dựng được các mô hình dự báo, cảnh báo sớm hạn hán và mưa lớn ở Việt Nam trên cơ sở các thông tin về ENSO.

2. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

- Thu thập và tổng quan tài liệu liên quan đến ENSO, ứng dụng thông tin ENSO để dự báo (tập trung vào hạn hán và mưa lớn). Thu thập số liệu khí hậu và bản đồ synop phục vụ nghiên cứu cơ chế hoạt động của ENSO và các đặc trưng hạn hán, mưa lớn.

- Nghiên cứu cơ chế vận tải ẩm và tổng vận tải ẩm trong các thời kỳ hình thành, phát triển và tan rã của ENSO.

- Nghiên cứu cơ chế hoàn lưu khí quyển trong thời gian có và không có hoạt động El Nino, La Nina

- Xây dựng các chỉ số hoàn lưu đặc trưng cho các thời gian có hoặc không có hoạt động của ENSO.

- Xây dựng các chỉ số ENSO hỗn hợp đặc trưng cho các thời gian có hoặc không có hoạt động của ENSO.

- Nghiên cứu xây dựng bộ số liệu hạn hán và mưa lớn ở Việt Nam phục vụ nghiên cứu ENSO.

- Nghiên cứu mối quan hệ đồng thời và không đồng thời (đt, kđt) giữa các đặc trưng khí hậu và chỉ số hoàn lưu phức hợp với hạn hán và mưa lớn ở Việt Nam.

- Mô phỏng (hoặc số hóa) quá trình hoạt động của ENSO với diễn biến của hạn hán, mưa lớn và tác động của ENSO đến hạn hán, mưa lớn.

- Xây dựng và thử nghiệm mô hình thống kê dự báo hạn hán, mưa lớn trên cơ sở các thông tin ENSO.

- Thực nghiệm mô hình động lực dự báo sự xuất hiện, tồn tại, phát triển ENSO và dự báo hạn hán, mưa lớn cho Việt Nam từ kết quả mô hình động lực

- Biên soạn chuyên đề đặc biệt và báo cáo tổng kết

- Xây dựng cơ sở dữ liệu của đề tài

3. Sản phẩm đạt được

- Cơ sở dữ liệu của đề tài
- Tập báo cáo mô phỏng, phân tích mô phỏng, phân tích đánh giá sự biến động và cơ chế tác động của Enso đến hạn hán và mưa lớn ở Việt Nam
- Báo cáo đánh giá mối quan hệ giữa hoạt động ENSO và hạn hán, mưa lớn
- Báo cáo về kết quả xây dựng và thử nghiệm các mô hình dự báo, cảnh báo hạn hán và mưa lớn ở Việt Nam trên cơ sở thông tin về ENSO
- Quy trình dự báo hạn hán, mưa lớn bằng mô hình thống kê
- Quy trình dự báo hạn hán, mưa lớn bằng mô hình động lực
- Báo cáo tổng kết đề tài

4. Những người thực hiện

1. GS.TS. Nguyễn Trọng Hiệu	Chủ nhiệm đề tài
2. GS.TSKH. Nguyễn Đức Ngữ	Thành viên chính
3. ThS. Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên chính
4. PGS.TS. Phạm Vũ Anh	Thành viên chính
5. PGS.TS. Trần Việt Liễn	Thành viên chính
6. TS. Nguyễn Văn Hiệp	Thành viên chính
7. TS. Mai Văn Khiêm	Thành viên chính
8. TS. Trần Quang Đức	Thành viên chính
9. ThS. Vũ Văn Thăng	Thành viên chính

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2017

Chủ nhiệm đề tài



GS. TS. Nguyễn Trọng Hiệu

Số: 197 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2012

BẢN SAO**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt kinh phí, tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN
cấp Nhà nước bắt đầu thực hiện trong kế hoạch năm 2012

Thuộc Chương trình: Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh
thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên
(Mã số chương trình: KC.08/11-15).

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 2850/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Danh mục các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 3059/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015: "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên".

Căn cứ Quyết định số 2623/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Nhà nước bắt đầu thực hiện trong kế hoạch năm 2012;

Xét kết quả làm việc của Tổ thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước bắt đầu thực hiện trong kế hoạch năm 2012;

Theo đề nghị của các Ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên và Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước,

CHUNG THUẬT BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 20/04/2012
Số chứng thực 65367, Ngày 01/05/2012

TRƯỞNG PHÒNG
QH&DK - TPHCM

CÔNG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí, tổ chức và cá nhân chủ trì 06 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (06 Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ) bắt đầu thực hiện trong kế hoạch năm 2012 thuộc Chương trình: Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; Mã số Chương trình: KC.08/11-15 với tổng kinh phí là: 30.560 triệu đồng (chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các Ông/Bà Thủ trưởng cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án nêu tại Điều 1 có trách nhiệm ký kết "Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" với Chủ nhiệm Chương trình KC.08/11-15 và Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước để thực hiện đề tài, dự án theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Chủ nhiệm Chương trình KC.08/11-15, Thủ trưởng Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

mawan

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Chu Ngọc Anh

D1
ẤN PH
NG C
ĂNG T
VQ



**KINH PHÍ CÔNG Tác VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRỊ CÁC NHẬM VỤ KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC
BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2012**

Về Chống thảm họa: Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, ban hành môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên (Mã số: KC.08/11-15)

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên nhậm vụ khoa học và công nghệ	Chủ nhiệm, Cơ quan Chủ trì	Thời gian thực hiện (tháng)	Kinh phí từ NSNN (Triệu đồng)	Ghi chú
	Đề tài nghiên cứu KH&PTCN				
1.	KC.08.17/11-15. Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng	TS. Nguyễn Văn Thắng. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.	24	4.250	<i>Mamđm</i>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2012

HỢP ĐỒNG

BẢN SAO

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Số: 17/2012/HĐ - ĐT-KC.08/11-15

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Công văn số 1623/BTC-HCSN ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về việc kéo dài hiệu lực Thông tư số 29/2007/TTLT-BTC-BKHCN và Thông tư liên tịch số 29/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 03/04/2007 hướng dẫn quản lý tài chính các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-BKHCN ngày 20/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bắt đầu thực hiện năm 2012 thuộc Chương trình "Khoa học công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên", mã số KC.08/11-15;

Căn cứ Thông tư liên tịch 93/TTLT-BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoản kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước;

Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên,

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

6534501

Số chứng thực..... Ngày ký..... SCT/BS



**CONG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh**

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên giao (Bên A) là:

a/ *Ban chủ nhiệm Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước: "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên", mã số KC 08/11-15*

- Do PGS.TS Lê Mạnh Hùng
- Chức vụ: Chủ nhiệm Chương trình làm đại diện
- Địa chỉ: số 171 phố Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội;
- Tel: (04) 39958457; Fax: (04) 35643001;

b/ *Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước*

- Do ThS Đỗ Xuân Cường
- Chức vụ: Giám đốc Văn Phòng làm đại diện.
- Địa chỉ: số 113 Trần Duy Hưng, Hà Nội;
- Tel: (04) 39366770; Fax: (04) 39366771;
- Số tài khoản: 8123.1.103.0031 tại Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội

2. Bên nhận (Bên B) là:

a/ *Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Dự án: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường*

- Do PGS.TS Trần Thực
- Chức vụ: Viện trưởng, làm đại diện.
- Địa chỉ: Số 23/62 Đường Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội,
Tel: (04) 37733090 ; Fax: (04) 38355993
- Số tài khoản: 3713.1.1058575 tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa, Hà Nội

b/ *Chủ nhiệm Đề tài/Dự án*

- Ông: PGS.TS Nguyễn Văn Thắng
- Địa chỉ: Số 23/62 Đường Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội,
Tel: (04)38359415, ĐĐ: 0903475488

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện Đề tài

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện Đề tài “*Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng*”, mã số

KC.08.17/11-15, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KC.08/11-15 theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài.

Thuyết minh Đề tài KC.08.17/11-15 và các Phụ lục kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Đề tài KC.08.18 là 24 tháng, từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 9 năm 2014.

Tổng kinh phí cần thiết để thực hiện Đề tài là 4.250.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Bao gồm:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài do Bên A cấp là: 4.250.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn), trong đó kinh phí được khoán chi là 4.093.600.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm chín mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn)

+ Kinh phí từ các nguồn khác: 0

2. Bên B nhận thực hiện Đề tài trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Duyệt Thuyết minh Đề tài và kiểm tra tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo các nội dung trong các Phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

b. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo Thuyết minh được phê duyệt; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

c. Cấp cho Bên B số kinh phí tại khoản 1 Điều 1 theo tiến độ từng năm, được thể hiện trong dự toán kinh phí của Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2 của Hợp đồng.

d. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A xem xét, kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc hoàn thành và phối hợp với Bên B để xác nhận và thanh quyết toán kinh phí đã sử dụng (kể cả vốn đối ứng) theo qui định về quản lý tài chính đối với các chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2011-2015. Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ).

e. Tổng hợp và xử lý kế hoạch đấu thầu, mua sắm thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

f. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

g. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết trong Thuyết minh Đề tài để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến Đề tài không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong Thuyết minh Đề tài dẫn đến kết quả của Đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo Thuyết minh Đề tài ;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

h. Phối hợp cùng Bên B quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp.

i. Phân định trách nhiệm của Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình:

- Văn phòng các Chương trình chịu trách nhiệm thực hiện các điểm c, e,h của khoản 1, Điều 2.

- Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình cùng chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, b, d, f, g, của khoản 1, Điều 2.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Đứng tên trong Đề tài và hưởng lợi ích thu được (nếu có) do việc khai thác thương mại các kết quả của Đề tài theo quy định hiện hành.

b. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết.

c. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện sau đây:

- Không cấp đủ kinh phí thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng.

- Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B.

d. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chi tiêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2 kèm theo Hợp đồng.

e. Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm thiết bị theo quy định.

f. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định.

g. Tiếp nhận kinh phí được cấp cho Đề tài theo hợp đồng đã ký kết; đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu và chịu sự kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề tài của các cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

h. Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần (theo mẫu BC ĐK - 01) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài/Dự án, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

i. Thực hiện việc đánh giá cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài/Dự án. Sau khi đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các tài liệu, mẫu sản phẩm nêu trong Thuyết minh Đề tài kèm theo Hợp đồng, báo cáo quyết toán tài chính của Đề tài và toàn bộ hồ sơ đã được hoàn chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở để Bên A tiến hành tổ chức thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước theo quy định hiện hành.

k. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

l. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

m. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu. Công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

n. Thực hiện đăng ký kết quả của Đề tài tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định.

o. Phân định trách nhiệm của Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài và Chủ nhiệm Đề tài :

- Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm e, g, l của khoản 2, Điều này.

- Chủ nhiệm Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, d, m của khoản 2, Điều này.

- Chủ nhiệm Đề tài/Dự án cùng Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm b, c, f, h, i, k, n của khoản 2, Điều này.

Điều 3. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với Đề tài/Dự án đã kết thúc:

a. Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A tất toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành.

b. Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn /chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

2. Đối với Đề tài không hoàn thành:

a. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp chưa

sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc thực hiện đã hoàn thành để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính.

b. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài/Dự án.

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài/Dự án, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài/Dự án, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài/Dự án.

c. Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện Đề tài/Dự án:

- Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Đề tài/Dự án.

- Nếu hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

Điều 4. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài/Dự án.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì có thể thoả thuận đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết. Trường hợp không có thoả thuận giải quyết tại Trọng tài thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Toà án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 5. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ tháng 10/2012. Hợp đồng gồm ..42.. trang bao gồm cả phụ lục được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, Bên A giữ 6 bản, Bên B giữ 4 bản.

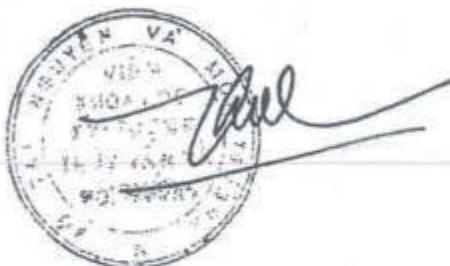
BÊN B (BÊN NHẬN)
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THÁNG

BÊN A (BÊN GIAO)
CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

PGS.TS LÊ MẠNH HÙNG

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG



PGS.TS TRẦN THỰC

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC



ThS. ĐỖ XUÂN CƯƠNG





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2015

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

I. Những thông tin chung

1. Tên đề tài: "Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng." Mã số KC08.17/11-15.

Thuộc Chương trình: "Khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên". Mã số KC08/11-15

Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng

Cơ quan chủ trì hiện tại: Viện Khoa học Kỹ thuật Thủy văn và BĐKH

2. Quyết định thành lập Hội đồng

Số: 368/T/Đ-BKHCN ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Phiên trù bị: Tại ...Viện Khoa học Kỹ thuật Thủy văn và BĐKH.....

ngày 17 tháng 01 năm 2015

Phiên đánh giá: tại Văn phòng Ban chủ nhiệm Chương trình KC08/11-15

ngày 17 tháng 01 năm 2015

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá): 9/9

Vắng mặt: 0 người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá)

TT Đơn vị công tác

Họ và tên

1 Đại diện Bộ KH&CN : Hồ Quang Minh

2 Đại diện Ban chủ nhiệm CT KH&CN

3 Văn phòng các Chương trình : Nguyễn Văn Mone

4 Cơ quan chủ quản TS. Huỳnh Thị Lan Hương - Phó Viện trưởng Viện Kỹ thuật BĐKH.

(cụ thể khách mời tham dự xem trong danh sách họp Hội đồng)

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

A. Phiên họp trù bị (để lại những nội dung thích hợp)

1. Hội đồng đã nghe chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của đề

tài;

2. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài;
3. Hội đồng trao đổi thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng:
 - a) Đã kiến nghị Bộ KH&CN tổ chức để Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả đề tài.
 - b) Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với đề tài có các kết quả đo kiểm được, đồng thời đề xuất để Bộ KH&CN mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:
 - Các thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại:.....
.....
.....

- Các tổ chức đo lường thử nghiệm thực hiện:

4. Hội đồng đã thống nhất lịch làm việc của phiên họp đánh giá của hội đồng.

B. Phiên họp đánh giá

1. Hội đồng đã nghe:

- Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện;
- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan nêu tại Điều 13 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; Hội đồng đã tham khảo các Phiếu nhận xét đánh giá đề tài của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả nghiên cứu của đề tài theo từng nội dung được nêu tại Điều 18 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đã thực hiện đánh giá kết quả của đề tài bằng Phiếu chấm điểm.

3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá:

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban:
- Hai uỷ viên:

Nguyễn Lập Đán
Nguyễn Lê Văn
Lưu Minh Trang

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

4. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

Các câu hỏi cần trả lời tham gia

Ng^r Lê Tân: - Sao chỉ định 3 form thuyền Sông, biển, Thủ Đức
cái tên biển là TV?

- Số lượng tên biển có tên NN?
- Số lượng biển tên có tên biển bằng số lượng qua trung
mật độ cháy?

B MTaylor: Giải thích vì sao tên biển: biển Bé - biển Mỏ, biển này -
biển kia trong?

Ng^r Lập Dân: Số lượng tên biển trong biển nào cho đúng và không?

Ng^r M. Huy: Chuyển giao khí quyển riêng lẻ ở đâu? Không thể nào

Ng^r M. Trí: Biển 4.10 - 4.12 có nhau kỵ do sao? 3 tháng trời kỵ giao tiếp

ĐK. Hoc: Họ đBSH có đặc điểm con mèo là chui yết, kít toan, ha
thể nát cho lừa quỷ? Khi mèo bay kít, tr, N² mồi con thiêu
con mèo thiêu mồi cho lừa quỷ?

Ng^r Nguyễn: - Lý do tại sao chỉ kiểm tên biển Đông Xuân, trong khi

- mèo vẫn có tên két lợn bao?
- Khi mèo SPI đã chán ăn mồi tại sao lại phản ứng với mồi?
- Trong phản ứng phản ứng tên biển có tên biển không có
sang tên sao?

a) Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế:

Sử dụng là nghiên cứu để xác định quan trắc KTTV cũ, việc Nghiên cứu Trung tâm KTTT thời gian dài là sự kế thừa, thống nhất đảm bảo chất lượng.

Các phương pháp nghiên cứu, xác định kỹ thuật, thủy động, lực đặc, hợp lý, an toàn, đạt tỷ lệ tin cậy.

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính:

Các sản phẩm khoa học công nghệ đầy đủ và có chất lượng và chủng loại như: Kỹ thuật và thiết kế.

c) Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính:

Các sản phẩm khoa học công nghệ chính đạt yêu cầu chất lượng như: Hợp đồng và thiết kế.

Rõ ràng, hài hòa, không ngập的概念, và rõ ràng.

Kết hợp với kết quả trên, đạt được yêu cầu chất lượng như sau:

đảm bảo chất lượng cao, chính xác, tin cậy, và thường xuyên.

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...):

Báo cáo kỹ thuật và các tài liệu kèm theo

Nhìn chung đất yên cát, thuộc mùi và hắc đán
và rauq logic

- cát chín mì chín ý 2,
- Chín mì lai cat mì truy dài chín ý
mì chín lò chín ta dài khó nén truy
lai cao tông hợp.

d) Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước:

- Đề tài đã công bố 2 bài báo trên các tạp chí KHCN trong nước
và thế giới.
- 3 bài báo trên tạp chí nước ngoài - Một yêu cầu
- 2 bài báo,海报 tại Hội nghị Khoa học Quốc tế và
trong nước.

e) Kết quả tham gia đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ:

Đã tài trợ phái du học 2 Thạc sỹ, 1 Tiến sỹ
đến gần đây.

g) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

Có xác nhận đang ký quyền sở hữu tên
bị kêu lùn: bà Mai Hồi Khiết cho ai đó

Cuối Việt Nam

h) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ:

Các sản phẩm khoa học đạt yêu cầu chất lượng
có ý nghĩa lớn về khoa học, nhất là khoa học
để bảo vệ môi trường.

Các tiêu chuẩn pháp lý bài hạn chế răn và hạn chế
tuyệt đối, tuy nhiên

i) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

Pháp lý pháp định bài hạn chế từng thời hạn để
thông tin thi công, giao thông và nghiệp vụ tại
các trại KFTV không rõ ràng KFTV cải tạo
tối đa quan

Hạn chế này cần kết nối với địa chỉ nhà tạo ra
các lỗi chung thường gặp

Hay không phải chờ lâu để chờ sang mảnh
thứ áp dụng với thực tế

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại đề tài ở mức sau (đánh dấu vào ô tương ứng): *Điểm trung bình: 83,11, trong đó*
mức A,B,C: 56,56 điểm

• **Xuất sắc:**

Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt 60 điểm và có được một trong các kết quả sau:

- Có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);
- Đã được cấp ít nhất 01 văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;
- Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.

• **Khá:**

Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên và có được một trong các kết quả sau:

- Có ít nhất 02 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia
- Có ít nhất 01 sách chuyên khảo được xuất bản (hoặc có giấy xác nhận về bản thảo được chấp thuận in và thời gian in của Nhà xuất bản).

• **Trung bình:**

Đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm trong đó, tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên.

• **Không đạt:**

Khi có tổng số điểm đạt dưới 60 điểm; hoặc khi có tổng số điểm của nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 đạt dưới 50 điểm.

6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của đề tài (*chi sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức "Không đạt"*):

.....
.....
.....
.....
.....

7. Hội đồng đề nghị:

- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận kết quả đánh giá đề tài.

- Kiến nghị khác (nếu có):

(về việc sửa chữa hoàn thiện hồ sơ, khen thưởng, đề nghị tiếp tục đầu tư nghiên cứu, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống...)

kết luận:

- Điều từ chênh lệch, 15' không
- Chênh lệch vì Cтан. far yêu cầu
- Số liệu, tên phế nay pháp, nguyên nhân do đó là có
- Kết quả đạt được rõ rệt để cung cấp gốc căn

Kết luận:

- Chênh lệch: cần chỉnh sửa cơ chế phế nay pháp kết hợp
- Thời gian thử nghiệm chưa dài
- Chưa giải quyết được sự thay đổi này với các thay đổi theo thời gian, quyết định này kết quả chưa được xác định
- Sẽ lý giải rõ về thời gian chúng có thể không chính xác

Danh sách tham chiếu:

bài cao thí nghiệm và bài cáo trạng tại các chính trị
lưu ý kinh nghiệm, thời đồng chênh lệch 2, ^{để} ^{để} ^{để}
chênh lệch, kết quả đây đều có thể là

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Đỗ Mạnh Tường

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Nguyễn Văn Nhựt

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Số đăng ký: 2015-04-183/KQNC

Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán
cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng

(Mã số nhiệm vụ: KC.08.17/11-15)

CẤP NHÀ NƯỚC

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẮNG

Cá nhân tham gia: TS. Mai Văn Khiêm; GS.TS. Trần Thực; GS.TS. Nguyễn Trọng
Hiệu; TS. Hoàng Đức Cường; PGS.TS. Nguyễn Thành Sơn; TS. Vũ Thị Thu Lan;
ThS. Trương Đức Trí; KS. Lê Thanh Hải; TS. Ngô Tiên Giang

Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
được thành lập **CHIẾU THỰC BẢN SAO** theo Quyết định số 104/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, họp ngày 17 tháng 01 năm 2015 tại Hà Nội

Ngày 28-06-2019
đã đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Số chứng thực.....**65350.01** Quyền số.....**SCT/BS**

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2015



Hồ sơ lưu tại:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia **CHỨNG VIÊN**

Địa chỉ: 24-26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội **Lại Hồng Khanh** **Bé Xuân Định**

Số hồ sơ lưu: 11063/KQNC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2620/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

BẢN SAO

Về việc công nhận kết quả thực hiện các đề tài, dự án cấp quốc gia thuộc chương trình "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên", mã số KC.08/11-15

VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐÔI KHÍ HUẤU

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 16.95

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

theo Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Trên cơ sở kết quả đánh giá nghiệm thu của Hội đồng khoa học công nghệ cấp quốc gia và Giấy chứng nhận của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia về đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Chương trình KC.08/11-15;

Xét đề nghị của Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện 25 đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm thuộc Chương trình "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên", mã số KC.08/11-15 theo Phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện việc theo dõi, quản lý các sản phẩm tạo ra, các tài sản mua sắm bằng ngân sách nhà nước và thực hiện thanh lý hợp đồng theo quy định. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của đề tài, dự án được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên và Thủ trưởng Cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm đề tài và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lực lượng VPCITD.





Trích lục
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC KC.08/11-15

Quyết định số:

/QĐ-BKHCN ngày

tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

TR	Mã số/ten Đề tài	Chủ nhiệm /Cơ quan chủ trì	Xếp loại nội dung KHCN	Xếp loại Tổ chức thực hiện	Ghi chú
1	KC.08.17/11-15. Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng.	PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng Viện Khoa học Khi tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu. Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Khá	Đạt	
2	KC.08.31/11-15. Nghiên cứu ứng dụng và phát triển mô hình công nghệ tích hợp tiên tiến có tận thu và sử dụng năng lượng tái tạo để xử lý hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên hòn rãnh - lồng lửng các lò giếng mỏ lấp trung.	TS. Đỗ Tiên Anh Viện Khoa học Khi tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu. Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Khá	Đạt	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09. tháng 10. năm 2017

BIÊN BẢN THANH LÝ
HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Số: 17/2012./TL-ĐTCT-KC.08/11-15

BẢN SAO

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Quyết định số 3687/QĐ-BKHCN, ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ cấp quốc gia đánh giá, nghiệm thu đề tài KC.08.17/11-15 thuộc Chương trình "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên", mã số KC.08/11-15;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng đánh giá cấp quốc gia ngày 17 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng khoa học đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia đối với đề tài "Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng", mã số KC.08.17/11-15 thuộc chương trình KC.08/11-15;

Căn cứ Quyết định số 2620/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài KC.08.17/11-15 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên" mã số KC.08/11-15.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Căn cứ Hợp đồng Nghiên cứu khoa học và Phát triển công nghệ số 17/2012/HĐ-ĐT-KC.08/11-15 ngày 01 tháng 10 năm 2012,

Ngày 28-06-2019 Số chứng thực 65366 Quyển số 01 SCT/BS

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước

- Do Ông: Nguyễn Thiện Thành

- Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh¹

- Địa chỉ: 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội;

- Tel: 043 9366770 Fax: 043 936 6771

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B) là:

a. Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Dự án: Viện Khoa học Khí tượng
Thủy văn và Biến đổi khí hậu

- Do Bà: Huỳnh Thị Lan Hương

- Chức vụ: Phó Viện Trưởng làm đại diện.

- Địa chỉ: Số 23/62 Đường Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội,

- Tel: (04) 37733090 ; Fax: (04) 38355993

b. Chủ nhiệm Đề tài

- Ông: Nguyễn Văn Thắng

- Địa chỉ: Số 23/62 Đường Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

- Tel: (04) 37733090

Cùng thoả thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng
Nghiên cứu khoa học và Phát triển công nghệ số 17/2012/HĐ-ĐT-KC.08/11-15
ngày 01 tháng 10 năm 2012 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản
sau:

Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện Đề tài

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện Đề tài “*Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng*”, mã số KC.08.17/11-15, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước KC.08/11-15 theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài được Bên A phê duyệt.

Thời gian thực hiện Đề tài là 24 tháng, từ tháng 10 năm 2014 đến tháng 9 năm 2014.

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả Đề tài ngày 17 tháng 01 năm 2015.

3. Bên B đã thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả Đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định. (*Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước kèm theo*).

4. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu, báo cáo nêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng (*danh mục kèm theo*).

5. Bên A giao cho bên B lưu giữ các kết quả khác của Đề tài (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,...) (*danh mục kèm theo*)

Điều 2. Xử lý tài chính của Đề tài

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/dự án là: 4.250 triệu đồng;

2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là: 4.250 triệu đồng.

Điều 3. Xử lý tài sản của Đề tài : Không.

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành 6 bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 3 bản.

Bên A (Bên đặt hàng)

VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
GIÁM ĐỐC

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Thị Hiền Thành

Bên B (Bên nhận đặt hàng)

VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)



Huỳnh Thị Lan Hương

Chủ nhiệm Đề tài

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Văn Thắng

**MỤC TÀI LIỆU, KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI KC.08.11-15
SƠ BẢN GIAO CHO BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(qua Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước)

(kèm theo Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN
số 17/2012/HĐ-ĐT-KC.08/11-15 ngày 09 tháng 10 năm 2012)

Tên tài liệu, kết quả	Số lượng	Hình thức	Ghi chú
Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của Đề tài.	1	Bản sao	
Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của Đề tài.	1	Bản sao	
Báo cáo kiến nghị kết quả nghiên cứu của đề tài.	1	Bản sao	

**DANH MỤC TÀI LIỆU, KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI KC.08.17/11-15
ĐƯỢC BÀN GIAO CHO CƠ QUAN CHỦ TRÌ LUU GIỮ**

(kèm theo Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN
số 17/2012/HĐ-ĐT-KC.08/11-15 ngày 09 tháng 10 năm 2017)

<i>STT</i>	<i>Tên tài liệu, kết quả</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Hình thức (bản gốc, bản sao, đĩa mềm,...)</i>	<i>Ghi chú</i>
I	Toàn bộ sản phẩm chính của nhiệm vụ	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
II	Sản phẩm khác			
1	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 01 (số chuyên đề 02)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
2	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 02 (số chuyên đề 13)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
3	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 03 (số chuyên đề 22)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
4	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 04 (số chuyên đề 27)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
5	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 05 (số chuyên đề 16)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
6	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 06 (số chuyên đề 14)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
7	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 07 (số chuyên đề 13)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
8	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 08 (số chuyên đề 12)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
9	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 09 (số chuyên đề 19)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
10	Báo cáo Nội dung nghiên cứu 10 (số chuyên đề 3)	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	

11	Cơ sở dữ liệu, tài liệu liên quan đến các nội dung nghiên cứu của đề tài	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
12	Bộ chỉ tiêu phân cấp hạn khí tượng cho toàn Việt Nam, hạn nông nghiệp và hạn thủy văn cho vùng đồng bằng sông Hồng.	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
13	Bộ các mô hình thống kê dự báo hạn khí tượng cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng và đánh giá kết quả dự báo	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
14	Bộ mô hình động lực dự báo hạn nông nghiệp và hạn thủy văn cho vùng ĐBSH) với thời hạn đến 3 tháng	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
15	Tài liệu hướng dẫn sử dụng và kết quả thử nghiệm dự báo hạn khí tượng cho toàn quốc, hạn nông nghiệp và hạn thủy văn cho vùng ĐBSH trong 5 năm gần đây và đánh giá kết quả dự báo	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
16	- Trang Web thông tin về kết quả dự báo, cảnh báo hạn hán - Quy trình thu thập, xử lý và cập nhật số liệu và thông tin phục vụ cho tính toán và dự báo - Quy trình giám sát hạn tác nghiệp và cập nhật bản tin giám sát - Quy trình dự báo tác nghiệp và cập nhật bản tin dự báo - Quy trình ra bản tin cảnh báo và cung cấp bản tin	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
17	Báo cáo tổng kết đề tài	01 bộ	Bản gốc/đĩa mềm	
18	Sở hữu trí tuệ : Bộ mô hình thống kê dự báo hạn khí tượng cho cả nước	01 bộ	Bản gốc	
19	Bài báo công bố trong nước (10 bài), ngoài nước (03 bài)	01 bộ	Bản gốc	
20	Bài báo đăng trên Hội Nghị, hội thảo (01 bài)	01 bộ	Bản gốc	

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP NHÀ NƯỚC

Tên đề tài: Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng

Mã số đề tài: KC.08.17/11-15

Thuộc Chương trình: Khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước “Khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên”, mã số KC.08/11-15.

Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu

Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng

1. Mục tiêu của đề tài:

- Xây dựng được các bộ chỉ tiêu phân cấp hạn khí tượng cho toàn Việt Nam, hạn nông nghiệp và hạn thủy văn cho vùng đồng bằng sông Hồng.
- Xây dựng được các mô hình thống kê dự báo hạn khí tượng cho toàn Việt Nam và ứng dụng được một mô hình động lực để dự báo hạn nông nghiệp, hạn thủy văn cho vùng đồng bằng sông Hồng thời hạn đến 3 tháng.
- Đề xuất được hệ thống nghiệp vụ dự báo, cảnh báo hạn khí tượng cho toàn quốc, hạn nông nghiệp và hạn thủy văn cho vùng đồng bằng sông Hồng với thời hạn đến 3 tháng trên cơ sở kết quả thử nghiệm cho mùa khô 2013-2014

2. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

- Thu thập bổ sung và chỉnh lý số liệu, tài liệu liên quan đến các nội dung nghiên cứu của đề tài và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu, dự báo, cảnh báo hạn hán.
- Điều tra khảo sát bổ sung và đánh giá hiện trạng hạn khí tượng, hạn nông nghiệp và hạn thủy văn trên khu vực nghiên cứu.
- Nghiên cứu tính toán các chỉ số hạn khí tượng cho toàn quốc, hạn nông nghiệp, hạn thủy văn cho vùng ĐBSH thời kỳ 1971-2010
- Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu phân cấp hạn khí tượng cho toàn quốc, hạn nông nghiệp và hạn thủy văn cho vùng ĐBSH.
- Xây dựng và thử nghiệm các mô hình thống kê dự báo hạn khí tượng đến 3 tháng bằng các thông tin ENSO, hoàn lưu. Thử nghiệm dự báo hạn nông nghiệp, hạn thủy văn cho vùng ĐBSH trên cơ sở dự báo thống kê.
- Tiếp nhận và ứng dụng hệ thống mô hình động lực CFS/RSM của Mỹ dự báo các trường yếu tố khí hậu phục vụ công tác dự báo, cảnh báo hạn ở Việt Nam.
- Nghiên cứu thử nghiệm dự báo hạn thủy văn cho vùng ĐBSH trên cơ sở thông tin dự báo khí hậu từ CFS/RSM.
- Nghiên cứu thử nghiệm dự báo hạn nông nghiệp cho vùng ĐBSH trên cơ sở thông tin dự báo khí hậu từ CFS/RSM.
- Xây dựng quy trình giám sát, dự báo, cảnh báo nghiệp vụ hạn khí tượng trên phạm vi cả nước, hạn nông nghiệp, hạn thủy văn cho vùng ĐBSH
- Biên tập, hoàn thiện tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán và xây dựng các số tay hướng dẫn. Tổng kết đề tài, báo cáo kết quả

3. Sản phẩm đạt được

- Cơ sở dữ liệu, tài liệu liên quan đến các nội dung nghiên cứu của đề tài

- Bộ chỉ tiêu phân cấp hạn khí tượng cho toàn Việt Nam, hạn nông nghiệp và hạn thủy văn cho vùng đồng bằng sông Hồng.
- Bộ các mô hình thống kê dự báo hạn khí tượng cho Việt Nam với thời hạn đến 3 tháng và đánh giá kết quả dự báo.
- Bộ mô hình động lực dự báo hạn nông nghiệp và hạn thủy văn cho vùng ĐBSH) với thời hạn đến 3 tháng.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng và kết quả thử nghiệm dự báo hạn khí tượng cho toàn quốc, hạn nông nghiệp và hạn thủy văn cho vùng ĐBSH trong 5 năm gần đây và đánh giá kết quả dự báo.
- Trang Web thông tin về kết quả dự báo, cảnh báo hạn hán.
- Quy trình thu thập, xử lý và cập nhật số liệu và thông tin phục vụ cho tính toán và dự báo.
 - Quy trình giám sát hạn tác nghiệp và cập nhật bản tin giám sát
 - Quy trình dự báo tác nghiệp và cập nhật bản tin dự báo
 - Quy trình ra bản tin cảnh báo và cung cấp bản tin
 - Báo cáo tổng kết đề tài

4. Sản phẩm được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp:

Bộ mô hình thống kê dự báo hạn khí tượng cho cả nước

5. Những người thực hiện

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng	Chủ nhiệm đề tài
2. TS. Mai Văn Khiêm	Thư ký đề tài
3. GS.TS. Trần Thực	Thành viên chính
4. GS.TS Nguyễn Trọng Hiệu	Thành viên chính
5. TS. Hoàng Đức Cường	Thành viên chính
6. PGS.TS Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên chính
7. T.S Vũ Thị Thu Lan	Thành viên chính
8. Th.S Trương Đức Trí	Thành viên chính
9. KS. Lê Thanh Hải	Thành viên chính
10. TS. Ngô Tiên Giang	Thành viên chính

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2017

Chủ nhiệm đề tài

PGS. TS Nguyễn Văn Thắng

BẢN SAO

Số: 1611/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì các đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước thực hiện trong kế hoạch năm 2013 thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN - BĐKH/11-15

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 và Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2260/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế quản lý Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước KHCN-BĐKH/11-15 và KHCN-33/11-15;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BKHCN ngày 02 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1262/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Danh mục các đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu thực hiện từ năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 1546/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ cấp Nhà nước tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài cấp Nhà nước giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2013 thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN - BĐKH/11-15;

Căn cứ kết quả làm việc và kiến nghị của 13 Hội đồng khoa học và công nghệ cấp Nhà nước tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài cấp Nhà nước giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2013 thuộc Chương



trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Chánh văn phòng Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 12 tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước thực hiện trong kế hoạch năm 2013 thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước thực hiện trong kế hoạch năm 2013 thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu nêu tại Điều 1 có trách nhiệm hoàn chỉnh Thuyết minh đề tài theo kiến nghị của Hội đồng khoa học và công nghệ để thẩm định nội dung, kinh phí và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch, Tài chính; Chánh văn phòng Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và các tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- BCN Chương trình KH-CN-BDKH/11-15
- Lưu VT, KH-CN, VPCT.80.

CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

26/06/2019



Nguyễn Thái Lai



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

Phụ lục



**DANH MỤC CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN TRONG
KẾ HOẠCH NĂM 2013 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ỨNG PHÓ VỚI
BIỂN ĐÔI KHÍ HẬU**

(Kèm theo Quyết định số 1611/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên đề tài	Tổ chức chủ trì	Chủ nhiệm đề tài
1.	Nghiên cứu phát triển bộ chỉ số thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu. (BDKH-16)	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	TS. Huỳnh Thị Lan Hương
2.	Nghiên cứu xây dựng Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam (BDKH-17)	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	TS. Mai Văn Khiêm
3.	Luận cứ khoa học cho việc lựa chọn và hoàn thiện các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng ở miền Trung và đề xuất nhân rộng (BDKH-18)	Viện Tài nguyên, Môi trường và Công nghệ sinh học - Đại học Huế	PGS. TS. Lê Văn Thắng
4.	Đánh giá mức độ tổn thương về kinh tế - xã hội do lũ lụt trên một số lưu vực sông chính ở Miền Trung trong bối cảnh biến đổi khí hậu và khai thác các công trình thủy điện, thủy lợi (BDKH-19)	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	PGS.TS. Nguyễn Thành Sơn
5.	Xây dựng hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên đất và nước đồng bằng sông Cửu Long ứng phó với biến đổi khí hậu. (BDKH-20)	Đại học Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài nguyên và Môi trường	PGS.TS. Nguyễn Định Tuấn
6.	Nghiên cứu, đánh giá, tuyển chọn và khảo nghiệm bộ giống lúa chịu hạn thích ứng cho vùng duyên hải miền Trung chịu ảnh hưởng bất lợi của biến đổi khí hậu (BDKH-22)	Viện Bảo vệ Thực vật - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	ThS. Lại Tiến Dũng
7.	Nghiên cứu đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến quy hoạch sử dụng không gian của một số đầm phá ven biển miền Trung Việt Nam và đề xuất giải pháp ứng phó; (thí điểm cho khu kinh tế mở Nhơn Hội, Bình Định) (BDKH-23)	Hội Địa chất Biển Việt Nam - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	TS. Phạm Văn Thanh
8.	Đánh giá mức độ tổn thương của hệ thống kinh tế - xã hội do tác động của biến đổi khí hậu tại vùng Bắc	Viện Địa lý - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	TS. Hoàng Lưu Thu Thùy

TT	Tên đề tài	Tổ chức chủ trì	Chủ nhiệm đề tài
	Trung Bộ" (Thí điểm cho 1 tỉnh) (BĐKH-24)		
9.	Lượng giá kinh tế do biến đổi khí hậu đối với thủy sản miền Bắc và đề xuất giải pháp giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu (BĐKH-25)	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh
10.	Nghiên cứu cơ chế chính sách, định hướng đổi mới công nghệ để giảm thiểu khí nhà kính hướng tới nền kinh tế cacbon thấp phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam đối với các khu kinh tế ven biển (BĐKH-29)	Hiệp hội Công nghiệp Môi trường Việt Nam	TS. Đỗ Hữu Hào
11.	Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách liên kết vùng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (BĐKH-30).	Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển bền vững - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	PGS.TS. Phan Sỹ Mẫn
12.	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu phát thải khí CO ₂ trong lĩnh vực sản xuất gạch ngói, gốm sứ (BĐKH-35)	Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường - Trường Đại học Xây dựng	PGS.TS. Nguyễn Duy Động

68



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24...tháng 5. năm 2013

HỢP ĐỒNG

BẢN SAO

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Số: 17/2013/HĐ-KHCN-BĐKH/11-15

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2007/BTC-BKHCN ngày 03 tháng 04 năm 2007 hướng dẫn quản lý tài chính các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 2630/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 "Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu", Mã số KHCN-BĐKH/11-15;

Căn cứ Quyết định số 1611/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 09 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì các đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước thực hiện trong kế hoạch năm 2013 thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15;

Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kinh phí các đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước thực hiện trong năm 2013 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15;

Căn cứ Thông tư liên tịch 93/TTLT-BTC-BKHCN ngày 4 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước;

Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên,



Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là:

a/ Ban chủ nhiệm Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước “Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu”, mã số KHCN-BĐKH/11-15

- Do Ông Nguyễn Thái Lai
- Chức vụ: Chủ nhiệm Chương trình làm đại diện
- Địa chỉ: số 10, Tôn Thất Thuyết, Hà Nội;

Tel: (04) 37956868; Fax: (04) 38359221

b/ Văn phòng Chương trình

- Do Ông Trần Hồng Thái

Chức vụ: Chánh Văn phòng làm đại diện.

- Địa chỉ: 23/62, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội;

Tel: (04) 37595990; Fax: (04) 37595991

- Số tài khoản: 8123.1.3017289 tại Kho bạc Nhà nước quận Đống Đa, Hà Nội

2. Bên nhận (Bên B) là:

a/ Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Do Ông Trần Thực

- Chức vụ: Viện trưởng, làm đại diện.

- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: 04. 37733090 Fax: 04. 38355993

- Số tài khoản: 3711.1.1058575, tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa, Hà Nội,

b/ Chủ nhiệm Đề tài

- Ông Mai Văn Khiêm

- Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội,

Tel: 04. 38357159 Fax: 04. 38355993

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện Đề tài

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện Đề tài “*Nghiên cứu xây dựng Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam*”, mã số BĐKH-17, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước mã số KHCN-BĐKH/11-15 “*Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu*” theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài.

Thuyết minh Đề tài BĐKH-17 và các Phụ lục kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Đề tài là 24 tháng, từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 12 năm 2014.

Tổng kinh phí cần thiết để thực hiện Đề tài là 4.500.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Bao gồm:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài do Bên A cấp là: 4.500.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn), trong đó kinh phí được khoán chi là 4.500.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

+ Kinh phí từ các nguồn khác: 0

2. Bên B nhận thực hiện Đề tài trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Tạm ứng kinh phí

Hàng năm, sau khi Bên A được giao dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ vào Hợp đồng, Bên A thực hiện tạm ứng kinh phí tại Kho bạc Nhà nước để cấp cho Bên B thông qua tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì đề tài tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Tiền độ tạm ứng kinh phí chia làm 2 đợt:

- Đợt I tạm ứng bằng 70% mức kinh phí phân bổ theo năm kế hoạch và đã được ghi trong Hợp đồng, phù hợp với tiến độ và khối lượng công việc thực hiện của đề tài.

- Trước khi tạm ứng kinh phí đợt II, Bên B báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đã tạm ứng đợt I; Bên A chỉ thực hiện tạm ứng nốt 30% mức kinh phí phân bổ theo năm kế hoạch và đã được ghi trong Hợp đồng, phù hợp với tiến độ và khối lượng công việc thực hiện của đề tài sau khi bên B đã thanh quyết toán tối thiểu 50% mức kinh phí đã tạm ứng đợt I (trừ trường hợp mua sắm thiết bị chưa đủ thủ tục quyết toán vì lý do khách quan được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận trên cơ sở đề nghị của Văn phòng Chương trình).

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Duyệt Thuyết minh Đề tài và kiểm tra tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo các nội dung trong các Phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

b. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo Thuyết minh được phê duyệt; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

c. Cấp cho Bên B số kinh phí tại khoản 1 Điều 1 theo tiến độ từng năm, được thể hiện trong dự toán kinh phí của Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2 của Hợp đồng.

d. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A xem xét, kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc hoàn thành và phối hợp với Bên B để xác nhận và thanh quyết toán kinh phí đã sử dụng (kể cả vốn đối ứng) theo qui định về quản lý tài chính đối với các chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2011-2015. Bên A có quyền

kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ).

e. Tổng hợp và xử lý kế hoạch đấu thầu, mua sắm thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

f. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

g. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết trong Thuyết minh Đề tài để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến Đề tài không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong Thuyết minh Đề tài dẫn đến kết quả của Đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo Thuyết minh Đề tài;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

h. Phối hợp cùng Bên B quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp.

i. Phân định trách nhiệm của Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng Chương trình:

- Văn phòng Chương trình chịu trách nhiệm thực hiện các điểm c, e, h của khoản 1, Điều 2.

- Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng Chương trình cùng chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, b, d, f, g, của khoản 1, Điều 2.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Đứng tên trong Đề tài và hưởng lợi ích thu được (nếu có) do việc khai thác thương mại các kết quả của Đề tài theo quy định hiện hành.

b. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết.

c. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện sau đây:

- Không cấp đủ kinh phí thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng

- Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B.

d. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2 kèm theo Hợp đồng.

e. Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm thiết bị theo quy định.

f. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định.

g. Tiếp nhận kinh phí được cấp cho Đề tài theo hợp đồng đó ký kết; đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu và chịu sự kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề tài của các cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

h. Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần (theo mẫu BC ĐK - 01) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

i. Thực hiện việc đánh giá cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các tài liệu, mẫu sản phẩm nêu trong Thuyết minh Đề tài kèm theo Hợp đồng, báo cáo quyết toán tài chính của Đề tài và toàn bộ hồ sơ đã được hoàn chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở để Bên A tiến hành tổ chức thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước theo quy định hiện hành.

k. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

l. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

m. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu. Công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

n. Thực hiện đăng ký kết quả của Đề tài tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định.

o. Phân định trách nhiệm của Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài và Chủ nhiệm Đề tài :

- Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm e, g, l của khoản 2, Điều này.

- Chủ nhiệm Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, d, m của khoản 2, Điều này.

- Chủ nhiệm Đề tài cùng Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm b, c, f, h, i, k, n của khoản 2, Điều này.

Điều 4. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với Đề tài đã kết thúc:

a. Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A tất toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành.

b. Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

2. Đối với Đề tài không hoàn thành:

a. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc thực hiện đó hoàn thành để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính.

b. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

c. Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện Đề tài:

- Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Đề tài.

- Nếu hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

Điều 5. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải

lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì có thể thoả thuận đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết. Trường hợp không có thoả thuận giải quyết tại Trọng tài thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 6. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng gồm 09 trang bao gồm cả phụ lục được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, Bên A giữ 6 bản, Bên B giữ 4 bản.

BÊN B (BÊN NHẬN)
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Mai Văn Khiêm

BÊN A (BÊN GIAO)
CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

Nguyễn Thái Lai

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG
THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 28-06-2019

Số chứng thực 65347 Quyền số: SCT/BS

Trần Thực

CHÁNH VĂN PHÒNG
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH



Trần Hồng Thái



CONG CHỨNG VIÊN

Lại Hồng Khanh



Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2015

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

1.. Những thông tin chung

Tên đề tài: Tên đề tài: "Nghiên cứu xây dựng Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam".

Mã số đề tài: BĐKH.17

Thuộc: Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu. Mã số: KHCN-BĐKH/11-15.

Chủ nhiệm đề tài: TS. Mai Văn Khiêm

Tổ chức chủ trì đề tài: Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia

Số: 557/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ TN&MT

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phiên trù bị: ngày 25/3/2015

Phiên đánh giá: ngày 4/4/2015

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá):

Vắng mặt: 01 người, gồm:

TS. Lê Văn Chính

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá)

TT Đơn vị công tác

- | | | |
|---|--------------------------------------|---|
| 1 | Đại diện Bộ KH&CN | Họ và tên
Bà Nguyễn Thị Thành Dựng, Ng. Qúyết định |
| 2 | Đại diện Bộ Tài nguyên và Môi trường | |
| 3 | Đại diện Bộ Tài chính | |
| 4 | Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình | |
| 5 | Văn phòng Chương trình | |
| 6 | Cơ quan chủ quản | |

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

A. Phiên họp trù bị (để lại những nội dung thích hợp)

1. Hội đồng đã nghe chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của đề tài;
 2. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài;
 3. Hội đồng trao đổi thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng:

a) Đã kiến nghị Bộ TN&MT tổ chức để Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả đề tài.

b) Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đặc kiềm định lại đối với đề tài có các kết quả đo kiềm được, đồng thời đề xuất đề Bộ TN&MT mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:

- Các thông số kỹ thuật cần đo đặc kiểm định lại:

- Các thông số kỹ thuật cần đo đặc kiêm định lại:
Yếu cầu có thể xác định kỹ thuật của
nhà chế tạo qua thành phần yếu tố sau:
và bùn xay và bùn đá, đá stone, bùn thô,
như từ vôi, gốm, sỏi, bùn đất, bùn
nhôm, sỏi, bùn cuội, bùn quặng, sỏi
kết tảng, thyg, v.v.

- Các tổ chức đo lường thử nghiệm thực hiện:

Dō wǔ yǐn shí

4. Hội đồng đã thống nhất lịch làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiên họp đánh giá của hội đồng.

B. Phiên họp đánh giá

1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);
- Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện;
- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan nêu tại Điều 13 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá đề tài của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả nghiên cứu của đề tài theo từng nội dung được nêu tại Điều 18 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đã thực hiện đánh giá kết quả của đề tài bằng Phiếu chấm điểm.

3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá:

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban: GS.TS. Trần Tân Tân
- Hai uỷ viên: PGS.TS. Trần Huy Thái /
TS. Nguyễn Quốc Phan

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

4. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

a) Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế:

Phù hợp, tiếp cận và tiên tiến với bài
tài phù hợp với ngoại ngữ

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính:

Thực hiện standing để rà soát phim (8 rầm
phim dạng 2)
Các loại phim dạng 3: đạt và vượt
yêu cầu

c) Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính:

Đạt yêu cầu chất lượng theo thang đánh
đánh theo định giá duyệt

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...):

Nhóm sinh đây là về trung tâm kinh tế
của đề tài
Yêu cầu chính là hi vọng được gợi ý
của các thành viên Hà Nội.

d) Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước:

Đã có 8 bài báo trên các tờ
tạp chí như: Journal of engineering, Engineering,
Civil Engineering...
và 01 bài đăng trên quảng cáo.

e) Kết quả tham gia đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ:

Kết quả tham gia đào tạo Thạc sỹ, truy cập
để xem chi tiết các bài báo về Cửu Lãnh Võ
thông tin tại:
Hồ sơ đào tạo của Tiến sĩ truy cập

g) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

Đã đăng ký bảo quyền số hiệu "ATLAS
bút lông và bút chì" tại Văn phòng Việt Nam
Tỷ lệ 1:1.000.000 TS. Mai Văn Khoa
Số 013/2015/QTF cấp ngày 08/01/2018

5

h) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so
với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ:

Sản phẩm xuất sắc, vượt mốc đăng ký
chưa có

i) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

Sử dụng "Atlas phim hàn và Bắc bộ
hết hàn Việt Nam" là tên
ngôn ngữ khoa học và tên thường dùng để chuyên
giáo.

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại đề tài ở mức sau
(đánh dấu vào ô tương ứng):

• Xuất sắc:

Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung
nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt 60 điểm và có được một trong các kết
quả sau:

- Có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế
(hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);
- Đã được cấp ít nhất 01 văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp,
quyền đối với giống cây trồng;
- Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có
ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.



• Khá:

Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội
dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên và có được
một trong các kết quả sau:



81,63

- Có ít nhất 02 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia

- Có ít nhất 01 sách chuyên khảo được xuất bản (hoặc có giấy xác nhận về
bản thảo được chấp thuận in và thời gian in của Nhà xuất bản).



• Trung bình:

Đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm trong đó, tổng số điểm các nội
dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên.



• Không đạt:

Khi có tổng số điểm đạt dưới 60 điểm; hoặc khi có tổng số điểm của nội
dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 đạt dưới 50 điểm.

6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của đề tài (chi sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức "Không đạt"):

- + Chính xác Tầm cao Ban Đội theo quy định
+ Các số xác nhận của Trung tâm Thanh tra
tập trung Dữ liệu kín tính theo quy định có
tính chính xác cao (đủ)
- + Chính xác định lượng theo dõi theo
quy định của Bộ TNMT và tên hàng hóa
chứa trong thùng, thuật ngữ đề ra đúng
và đủ tiêu chí.
- + Giải trình chi tiết thêm, bô Xung
phong phay mài, suy nhiệt độ làm nóng
100 m độ cao 0,6 °C
- + Xây dựng kế hoạch chongaz giàa.



7. Hội đồng đề nghị:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, công nhận kết quả đánh giá đề tài.

- Kiến nghị khác (nếu có):

(về việc sửa chữa hoàn thiện hồ sơ, khen thưởng, đề nghị tiếp tục đầu tư nghiên cứu, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống...)

- + Kiểm tra hồ sơ khen thưởng và kiểm định có hết
quản tin cảng
- + Trình duyệt bùn đất theo quy định của
Bộ TNMT. Đài biến đổi là hồ Xung phong
lưới bùn đất với quy định của Ban Đội
tỷ lệ 1/1.000.000 và 1/3.000.000

- + Công thức trong bài cáo cáo xem lại và chỉnh sửa
- + Xem lại tên bài, kiểm tra cho đúng không sai
- + Đề bài đã sử dụng.
- + Giải thích rõ ràng tên cung cấp phisiopsych
- + Các bài kiểm phải có uy tín gần đây
- + Các nghiên cứu có quan trọng không
- + Các giám phemi, sau đó tại phản ứng
- + Lỗi typist và lỗi gõ 错误
- + Báo xưng giải thích các thuật ngữ tên
- + Nêu rõ tính mài mòn của ATLAS
- + Điều xứng đồng so với ATLAS do Tsuru năm 1991
- + Các bài báo chính sau bài chính của bài báo. Chủ tịch và các ủy viên phòng ban
- + Xem bài phản biện sau
- + Tỷ thí bài già xem có uy tín không
- + Thành viên khi đã chỉnh sửa? Lết
- + Giải thích khi đã phê duyệt

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

phanh
Nguyễn Quốc Phanh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Tuân
Ngô Minh Tuấn

Phụ lục kèm theo biên bản đánh giá

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỔNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG KHẨU HÀNG HÓA CẤP NHÀ NƯỚC

- Còn thành viên Hội đồng đặt cùm bờ nam khu
vực chịu triều litoria:
1. GS.TS Trần Văn Rê: Sản phẩm loại 1 là
ATLAS, Ví dụ mực 5 của sản phẩm loại 2 cũng
là ATLAS.
 2. GS.TS. Ngô Đình Tuấn:
 - + Nhiệt độ có liên quan thế nào với thời kỳ
của Bão?
 - + Sử dụng Trung bình nhiệt độ tuyっこ chick
cao 100 m = gram 0,6°C (tuyっこ chick
lâm ở biển Đông, Tuyっこ chick thường
cho toàn quốc và có thể phèn bị thất thoát
thì có tuyっこ chick bao nhiêu?
 - + Số liệu mà bạn đưa ra cho thấy như
vào năm 1994
 3. GS.TS Trần Huy Thìn:
 - + Phân loại thủy sản hợp lý
 - + Nguyên gốc là "sản"
 - + ATLAS và Khi bán và BĐKH có điểm
gì khác nhau với ATLAS năm 1995 là gì?
quá trình
 - + Phân vùng thủy sản theo biển
 - + Số lượng ngư dân của vùng biển
đã tái lập và Bộ TNMT xác định bao nhiêu
để bảo đảm an ninh nhưng việc nghiên cứu
tổng thể của vùng biển
 - + Tình hình quản lý, quy định xuất nhập
ATLAS, có bao nhiêu vùng mực giao nhau
 - + Các đề nghị Bộ TNMT và Ban phay
dựng một kế hoạch phân tán chuyên già

Bí lâm và đặc xuất cù the

4.TS Nguyễn Lò Tám:

+ Bé xe đỗ trước tết có bao nhiêu xe?

+ Vé đi tay lái số bao nhiêu xe? (H4?)

+ Vé máy bay ATLAS chỉ đón hành khách
chưa đi vé còn có 1 hành khách qua

+ Saigon tháng nào có người về thăm
lại thường là tháng 12, tháng 1, tháng 2
và tháng 3. Sau tháng 3 là tháng 4
và tháng 5 là tháng 6. Vào tháng 7 là
tháng 8.

+ Quy chuẩn để áp dụng? Khi nào nên áp
quy chuẩn thời kỳ ban đầu để áp dụng
những quy chuẩn tiếp theo, vào tháng

5.GS TS Phan Văn Tân:

+ Sai số thời vụ nguyên liệu tháng
nào là tháng? Loại trái cây theo tháng
đó

6.GS. Nguyễn Thanh Nhàn giải trình như
này là trang giấy cuối và my gradian
tuy nhiên không có trang giấy cuối
đó có phải là trang giấy cuối và
hiện nay tôi không rõ nó là trang
nào đây hay trang số

Về số tiền, nó là tiền trả trước cho tháng

Đó sao lý là tiền tháng sau trả tháng sau
thì cần phải trả trước tháng sau

Trong phần tích lũy quá khứ, trung bình
tỷ số tích lũy là 100% Back the in Bank.

7.GS. Hien:

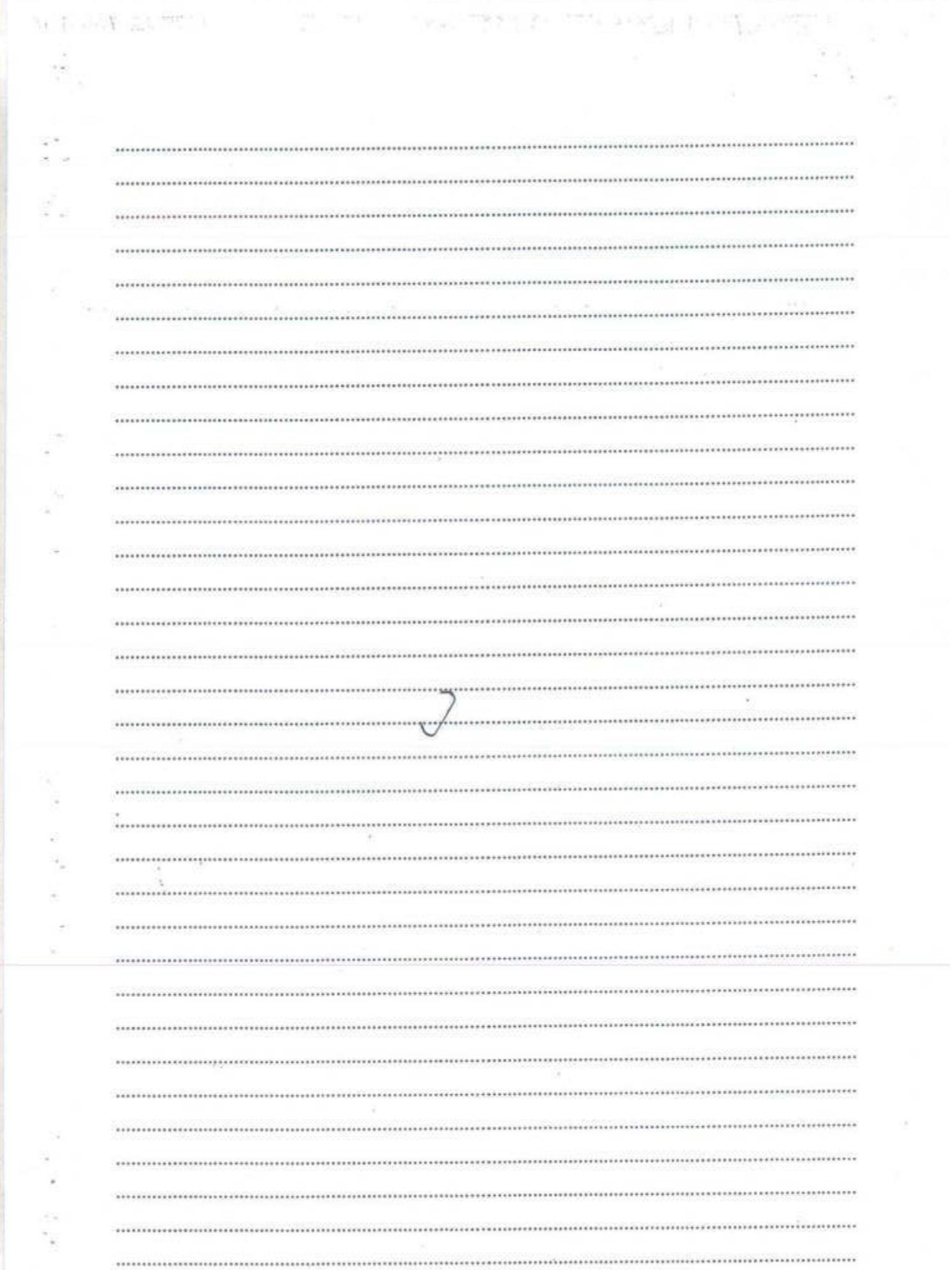
+ Giả định số liệu như sau tết ATLAS

42 + trung tràng số lượng giao hàng
như sau: Bé pháo 20 kg là số lượng
tết là 100kg, 02 kg ATLAS này là số lượng
và số lượng Bé ATLAS này là số lượng
và số lượng Bé ATLAS này là số lượng

Tai nứt lõi sỏi when. Khi mổ và bóc xung
trong mủi ta thấy phổi bị đứt lìu và bầm
tím, và lông các tơ sợi lông và da đều bão
dập vỡ;

TS. Trần Huy Thành: Đã nghe về sau tai
nứt sỏi mủi bị xung, chửi mủi bị xung
Vì mủi là phần mềm, nên ta thấy nó
lý là mủi thô, các mô liên quan trao đổi
và BC' trong mủi có 9-10 ngày tan rã,
GS. Trần Văn Thanh: Chưa thấy y tá nào
tìm được lõi sỏi.

✓



THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 1841/QĐ-BTNMT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

BẢN SAO

Về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ cấp quốc gia được thành lập kèm theo Quyết định số 557/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Chánh văn phòng Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp quốc gia “Nghiên cứu xây dựng Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam”, mã số BĐKH-17 thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15

Chủ nhiệm đề tài: TS Mai Văn Khiêm.

Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Xếp loại về nội dung khoa học công nghệ: Đạt loại Khá.

Xếp loại về Tổ chức thực hiện: Đạt.

Điều 2. Đề tài được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau

CHÍNH THỨC BẢN SAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 16/07/2015
6537101
Số chứng thực.....Quyển số....SCT/BS



khi các sản phẩm của đề tài và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của đề tài được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch, Tài chính; Chánh Văn phòng Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Noi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (đề bá cáo);
- BCN Chương trình KHCN-BĐKH/11-15;
- Lưu VT, KHCN, VTH.10.

W/



Nguyễn Thái Lai

GIẤY CHỨNG NHẬN

BẢN SAO

ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Số đăng ký: 2015-04-462/KQNC

Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam
(Mã số nhiệm vụ: BKH.17. Thuộc Chương trình: khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu)
CẤP NHÀ NƯỚC

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu

Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. MAI VĂN KHIÊM

Cá nhân tham gia: ThS. Nguyễn Đăng Mậu; GS.TS. Trần Thực; PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng; GS.TSKH. Nguyễn Đức Ngữ; PGS.TS. Hoàng Ngọc Quang; ThS. Nguyễn Huỳnh Quang; ThS. Trương Đức Trí; KS. Phạm Lê Phương; TS. Hoàng Đức Cường

Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thành lập theo Quyết định số 557/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, họp ngày 04 tháng 4 năm 2015 tại Hà Nội
Ngày 28-06-2015
đã đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ./.

Số chứng thực... 653500004CT/BS

Hà Nội, ngày 19. tháng 6. năm 2015



Hồ sơ lưu tại:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Địa chỉ: 24-26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Số hồ sơ lưu: 11342/KQNC

CÔNG CHỨNG NHẬN
Lại Hồng Khanh

Đào Mạnh Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 17/2013/HĐ - KHCN-BĐKH/11-15

BẢN SAO

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;
Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2228/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành mẫu thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp Nhà nước;

Căn cứ Hợp đồng Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 17/2013/HĐ - KHCN-BĐKH/11-15 ngày 24 tháng 5 năm 2013 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) giữa Ban chủ nhiệm Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước "Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu" và Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc giao và nhận thực hiện đề tài "Nghiên cứu xây dựng Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam", mã số BĐKH-17.

Hôm nay, ngày tháng năm 2015, chúng tôi gồm:

Ngày 28-06-2019
Số chứng thực..... 65359..... Quyền số..... SCT/BS

1. Bên giao (Bên A) là:

a/ Ban chủ nhiệm Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước "Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu", mã số KHCN-BĐKH/11-15

- Do Ông Nguyễn Thái Lai
- Chức vụ: Chủ nhiệm Chương trình làm đại diện
- Địa chỉ: số 10, Tôn Thất Thuyết, Hà Nội;

Tel: (04) 37956868; Fax: (04) 38359221

b/ Văn phòng Chương trình

- Do Ông Trần Hồng Thái
- Chức vụ: Chánh Văn phòng làm đại diện
- Địa chỉ: số 10, Tôn Thất Thuyết, Hà Nội;

Tel: (04) 37595990; Fax: (04) 37595991

- Số tài khoản: 8123.1.3017289 tại Kho bạc Nhà nước quận Đống Đa, Hà Nội

2. Bên nhận (Bên B) là:

a/ Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài: Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Biển đổi khí hậu (trước là Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường đổi tên theo Quyết định số 74/QĐ-TTg ngày 13 tháng 1 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ)

- Ông Nguyễn Văn Thắng

- Chức vụ: Viện trưởng, làm đại diện.

- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: 04.37731410 Fax: 04.38355993.

- Số tài khoản: 3711.1.1058575 tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa.

b/ Chủ nhiệm Đề tài

- Ông Mai Văn Khiêm

- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: 04. 38357159

Các Bên cùng thảo thuận, thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng số 17/2013/HĐ - KHCN-BĐKH/11-15, ngày 24 tháng 5 năm 2013 với các điều khoản như sau :

Điều 1 : Xác nhận hoàn thành và bàn giao kết quả thực hiện đề tài :

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Nhà nước, “*Nghiên cứu xây dựng Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam*” (kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15).

2. Bên B đã đăng ký kết quả nghiên cứu của đề tài tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận kết quả số 2015-04-462/KQNC ngày 19 tháng 6 năm 2015).

3. Bên A giao cho bên B lưu trữ các kết quả nghiên cứu và các tài liệu theo quy định nêu tại Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số 17/2013/HĐ - KHCN-BĐKH/11-15, ngày 24 tháng 5 năm 2013.

Điều 2 Xử lý tài chính của đề tài :

1. Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài do bên A cấp là: 4.500.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Kinh phí đã được cấp từ ngân sách Nhà nước là: 4.382.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu đồng).

3. Kinh phí tiết kiệm chi thực hiện Đề tài là: 180.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng).

4. Kinh phí bên B đề nghị và đã được bên A chấp nhận quyết toán là 4.382.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu đồng - Trong đó kinh phí quyết toán là 4.382.000.000 đồng).

Bên B đã sử dụng và quyết toán số kinh phí nói trên theo đúng các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước (có giấy xác nhận của cơ quan chủ trì).

Điều 3 : Xử lý tài sản của đề tài :

1. Tài sản mua sắm từ ngân sách Nhà nước cấp cho đề tài : Không có
2. Tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của đề tài : Không có

Điều 4 : Xử lý kết quả thực hiện đề tài :

1. Giao quyền chủ sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài (nếu có) cho Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu (cơ quan chủ trì thực hiện Đề tài) thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện Đề tài thực hiện nghĩa vụ chuyển giao kết quả thực hiện đề tài đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hoặc các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội theo quy định hiện hành.

3. Trong trường hợp, cơ quan chủ trì thực hiện đề tài không thực hiện được quy định tại Khoản 2 Điều này thì Bộ Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền chuyển giao kết quả thực hiện Đề tài cho tổ chức khác.

Điều 5 : Hiệu lực của Biên bản thanh lý hợp đồng :

1. Biên bản thanh lý hợp đồng gồm ba (03) trang, được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bốn (04) bản.

2. Biên bản Thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**BÊN B (BÊN NHẬN)
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

Mai Văn Khiêm

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG
THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU



Nguyễn Văn Thắng

**BÊN A (BÊN GIAO)
CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH**

Nguyễn Thái Lai
CHÁNH VĂN PHÒNG
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH



Trần Hồng Thái

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP NHÀ NƯỚC

Tên đề tài: Nghiên cứu xây dựng Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam

Mã số đề tài: BĐKH.17/11-15

Thuộc Chương trình: Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15.

Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

Chủ nhiệm đề tài: TS. Mai Văn Khiêm

1. Mục tiêu của đề tài:

- Đúc kết và minh họa được những quy luật, đặc điểm phân bố (không gian và thời gian) của khí hậu và biến đổi khí hậu ở Việt Nam trong thế kỷ 20 và thập kỷ đầu của thế kỷ 21.

- Cung cấp những thông tin cơ bản nhất về khí hậu và biến đổi khí hậu phục vụ các hoạt động phát triển kinh - tế xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

- Thu thập số liệu, điều tra khảo sát, bổ sung thông tin phục vụ các nội dung nghiên cứu của đề tài.

- Nghiên cứu tính toán các đặc trưng khí hậu và biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu quy luật, đặc điểm phân bố (không gian và thời gian) của khí hậu và biến đổi khí hậu ở Việt Nam

- Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khí hậu, biến đổi khí hậu phục vụ các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

- Xây dựng tập Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam.

- Nghiên cứu xây dựng các bản đồ kịch bản biến đổi khí hậu Việt Nam trong thế kỷ 21 bằng chương trình nội suy không gian kết hợp GIS.

- Xây dựng thuyết minh và hướng dẫn sử dụng tập Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam.

- Báo cáo khoa học tổng kết đề tài.

3. Sản phẩm đạt được

- Bộ số liệu quan trắc các yếu tố khí hậu đến năm 2010

- Các chương trình tính toán chỉ số thống kê, tập số liệu các đặc trưng khí hậu và biến đổi khí hậu cơ bản thế kỷ 20 và thập kỷ đầu của thế kỷ 21.

- Báo cáo chuyên đề về đặc điểm khí hậu và biến đổi khí hậu ở Việt Nam thế kỷ 20 và thập kỷ đầu của thế kỷ 21.

- Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khí hậu, biến đổi khí hậu phục vụ các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

- Tập Atlas về khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam xây dựng trên cơ sở số liệu khí hậu trong thế kỷ 20 và thập kỷ đầu của thế kỷ 21 (95 bản đồ).

- Phần mềm nội suy không gian các yếu tố khí hậu, tập bản đồ kịch bản biến đổi khí hậu phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu (180 bản đồ).

- Báo cáo thuyết minh tập Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam.
- Báo cáo tổng kết đề tài

4. Sản phẩm được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp:

Tập Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam tỷ lệ 1:1.000.000

5. Những người thực hiện

1. TS. Mai Văn Khiêm	Chủ nhiệm đề tài
2. ThS. Nguyễn Đăng Mậu	Thư ký đề tài
3. GS.TS. Trần Thục	Thành viên chính
4. PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng	Thành viên chính
5. GS.TSKH Nguyễn Đức Ngữ	Thành viên chính
6. PGS.TS Hoàng Ngọc Quang	Thành viên chính
7. Th.S Nguyễn Huỳnh Quang	Thành viên chính
8. Th.S Trương Đức Trí	Thành viên chính
9. KS. Phạm Lê Khương	Thành viên chính
10. TS. Hoàng Đức Cường	Thành viên chính

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2017
Chủ nhiệm đề tài



TS. Mai Văn Khiêm

Số: 24t30 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

BẢN SAO

Về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia thuộc Chương trình: "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai", mã số KC.08/16-20, bắt đầu thực hiện từ năm 2016

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 44.10.....

Ngày 24 tháng 9 năm 2016

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-BKHCN ngày 06/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN đặt hàng thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020: "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai", mã số KC.08/16-20, số chứng nhận Ngày 28-08-2019 Số chứng nhận Ngày 28-08-2019

Xét kết quả làm việc của Hội đồng và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Giám đốc Vụ phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình: "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai", mã số KC.08/16-20 để bắt đầu thực



hiện từ năm 2016 với tổng kinh phí ngân sách nhà nước là 10.250 triệu đồng
(*Bằng chữ: Mười hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Chi tiết trong phụ lục kèm theo

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tổng hợp cùng Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước hướng dẫn Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ nêu tại Điều 1 hoàn tất thủ tục để ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Chủ nhiệm và Thủ trưởng Tổ chức chủ nhiệm vụ, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước, Vụ trưởng các Vụ: Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Kế hoạch – Tổng hợp, Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, Vụ KHTH.

KT.BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Phạm Công Tạc

113-0
PHÒNG
CHỦNG
GHI THIẾT
/G-TS



**TỔ CHỨC CHỦ TRỊ, CÁ NHÂN CHỦ NHMIỆM, KINH PHÍ, PHƯƠNG THỨC KHOẢN CHI
GIẢN THỰC HIỆN NHMIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2016**
 (Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-BKH&CN ngày 04 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)

Phụ lục

Thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020:
 Khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai", mã số KC.08/16-20

TT (1)	Mã số, Tên nhiệm vụ (2)	Chủ nhiệm, Trưởng chủ trì (3)	Thời gian thực hiện (BD-KT) (4)	Tổng số (5)=(6+9) (6)	Kinh phí thực hiện			Phuong thuc khoan chi (10)
					Tổng (7) (7+8)	Khoán (8)	Không khoán (9)	
1	KC.08.01/16-20: Nghiên cứu xây dựng hệ thống nghiệp vụ dự báo khí hậu hạn mùa cho Việt Nam bằng các mô hình động lực	TS. Mai Văn Khiêm, Viện Khoa học Khi tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.	36 tháng	5.300	5.300	4.350	950	0 Khoản chi tung phan
2	KC.08.02/16-20: Nghiên cứu đánh giá rủi ro da thiên tai và thiết kế đối với nuôi trồng thủy sản khu vực ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đề xuất các giải pháp chính sách chia sẻ rủi ro da thiên tai.	Ths. Nguyễn Trịnh,	30 tháng Xuân	4.950	4.950	4.950	0	0 Khoản chi tung phan
	Tổng cộng			10.250	10.250	9.300	950	0



Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2016.

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Số: 01/2016/HĐ-ĐTCT-KC.08/16-20

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 về quy định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/12/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Quyết định số 2480/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia thuộc Chương trình: "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai", mã số KC.08/16-20, bắt đầu thực hiện từ năm 2016;

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A):

a/ Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước

- Do Ông: Hồ Quang Vinh
- Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện



CỘNG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh



- Địa chỉ: Tầng 12, số 113, Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tel: (04) 39366770; Fax: (04) 39366771;
- Số tài khoản: 9527; Mã QHSDNS 1030031 tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội.

b/ *Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên:*

- Do Ông: Lê Quang Thành
- Chức vụ: Vụ trưởng làm đại diện.
- Địa chỉ: Tầng 8, số 113, Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 35560661

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu

- Do Ông: Nguyễn Văn Thắng
- Chức vụ: Viện trưởng làm đại diện.
- Địa chỉ: Số 23/62 Đường Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Tel: (04) 38357159 Fax: 04-38358835
- Số tài khoản: 3713.1.1058575

tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa, Hà Nội

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài "Nghiên cứu xây dựng hệ thống nghiệp vụ dự báo khí hậu hạn mặn cho Việt Nam bằng các mô hình động lực" theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Đề tài là 36 tháng, từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 9 năm 2019

Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài

1. Đề tài được thực hiện theo hình thức: Khoán chi một phần.
2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài là 5.300 triệu đồng (năm tỷ ba trăm triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 5.300 triệu đồng (năm tỷ ba trăm triệu đồng).

+ Kinh phí khoán: 4.350 triệu đồng (bốn tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

+ Kinh phí không giao khoán: 950 triệu đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng).

3. Tiền độ cấp kinh phí: Tiền độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt tại Thuyết minh và các Phụ lục 1, 2 của Hợp đồng này;

c) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chi tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

i) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kinh phí được cấp cho Đề tài theo hợp đồng đã ký kết; chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu và chịu sự kiểm tra, kiểm soát tinh hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề tài của các cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật; thanh toán kinh phí đã tạm ứng các đợt trước, để nhận kinh phí tạm ứng của đợt tiếp theo;

l) Thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ đã hoàn thiện để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

m) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra (nếu có) từ kết quả nghiên cứu của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

n) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

o) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu;

p) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Đề tài tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

q) Công bố kết quả thực hiện Đề tài sau khi được Bên A cho phép;

r) Chủ nhiệm Đề tài cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

s) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài;

t) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

u) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do:
 - a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng;
 - b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

b) Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì Bên B không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức Bên B phải hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách đã sử dụng đối với Đề tài.

2. Đối với Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp

đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài bị đình chỉ thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì Bên B không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức Bên B phải hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách đã sử dụng đối với Đề tài. Đối với Đề tài không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng gồm 18 trang bao gồm cả phụ lục được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, Bên A giữ 6 bản, Bên B giữ 4 bản.

BÊN B
(Bên nhận đặt hàng)

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG^{WY}
THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐÔI KHÍ HẬU



Nguyễn Văn Thắng

BÊN A
(Bên đặt hàng)

PHÓ GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH
TRONG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC



Hồ Quang Vinh



VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ TỰ NHIÊN

Lê Quang Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CHỨNG NHẬN

Tên công nghệ/thiết bị: Dự báo thời tiết và Thuỷ văn Biển Đông

Đơn vị/cá nhân: ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
CHƯƠNG TRÌNH KC.09

Được tặng cúp vàng
Techmart Việt Nam 2005

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2005

BỘ TRƯỞNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 28-06-2019

Số chứng nhận: 65350 (Quyết định số 01/QĐ-BKHTT)

Quyết định số 01/QĐ-BKHTT

Ngày 14 tháng 10 năm 2005

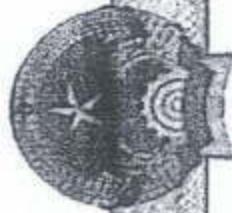
Hoàng Văn Phong



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TẶNG

GIẢI THƯỞNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CHỨNG THỰC BẢN SAO DỤNG VỚI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**Ngày 28/06/2019 mờ hình dự báo các trường khí tượng thủy văn
và biến đổi biển Đông Việt Nam**

Nhà xuất bản GS.TS Trần Văn Tiến (Chủ nhiệm đề bài); PGS.TS Phạm Văn Huân; PGS.TS Nguyễn Mạnh Hùng; TS Mai Văn Khoa; TS Nguyễn Túy Sáng; TS Dương Hồng Sơn; TS Nguyễn Thành Sơn; CN Công Thanh; TS. Đỗ Ngọc Thắng; TS. Nguyễn Minh Trường
Khoa Khí tượng - Thời tiết - Hải dương học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2006

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

GS.TSKH. Đào Trọng Thái

Quyết định số: 13/QĐ-HD
Ngày 11 tháng 5 năm 2006

GS.TSKH. Nguyễn Văn Phong

BẢN SAO



BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: *Phần mềm Bộ mô hình thống kê dự báo hạn khí tượng cho cả nước* Loại hình: *Chương trình máy tính*

Tác giả: *Mai Văn Khiêm* Quốc tịch: *Việt Nam*
Số 23, ngõ 62 Nguyễn Chí Thanh, Số CMND: *038077000021*
Đống Đa, Hà Nội *1/3/2013*

Chủ sở hữu: *Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn* Số ĐKKD: *A-277*
và Biến đổi Khí hậu *21/8/2014*
Số 23, ngõ 62 Nguyễn Chí Thanh,
Đống Đa, Hà Nội

Ngày *28 -06- 2019*

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả
Số chứng nhận *6.5.3.5.0* Quyền số *01* SCN/BS

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2014
PHÓ CỤC TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Số: 4425/2014/QTG

Cấp cho Chủ sở hữu *Hồng Khanh*

Vũ Ngọc Hoan

Trích Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009

Điều 49. Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

1. Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan là việc tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan nộp đơn và hồ sơ kèm theo (sau đây gọi chung là đơn) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ghi nhận các thông tin về tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.
2. Việc nộp đơn để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan không phải là thủ tục bắt buộc để được hưởng quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Luật này.
3. Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan không có nghĩa vụ chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan thuộc về mình khi có tranh chấp, trừ trường hợp có chứng cứ ngược lại.



BẢN SAO

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: *Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam* Loại hình: *Bản đồ*
tỷ lệ 1:1.000.000

Tác giả: *Mai Văn Khiêm* Quốc tịch: *Việt Nam*
Số 23, ngõ 62 Nguyễn Chí Thanh, Số CMND: *038077000021*
Đống Đa, Hà Nội *1/3/2013*

Chủ sở hữu: *Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn* Số ĐKKD: *A-277*
và Biến đổi Khí hậu *21/8/2014*
Số 23, ngõ 62 Nguyễn Chí Thanh,
Đống Đa, Hà Nội

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả
Ngày 28-06-2019

Số chứng thực

Quyền số: 65350 SCT/BS



Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2015
PHÓ CỤC TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Số: 013/2015/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

CÔNG CHỨNG VIÊN: Vũ Ngọc Hoan

Lại Hồng Khanh

Trích Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009

Điều 49. Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

1. Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan là việc tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan nộp đơn và hồ sơ kèm theo (sau đây gọi chung là đơn) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ghi nhận các thông tin về tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.
2. Việc nộp đơn để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan không phải là thủ tục bắt buộc để được hưởng quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Luật này.
3. Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan không có nghĩa vụ chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan thuộc về mình khi có tranh chấp, trừ trường hợp có chứng cứ ngược lại.

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng thẩm định nội dung sách

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU**

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 333/CT ngày 14 tháng 12 năm 1982 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao nhiệm vụ cho Viện Khí tượng Thủy văn (nay là Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu) đào tạo cán bộ trên đại học trong nước;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu về việc phê duyệt Quy định chi tiết đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay cử các Ông, Bà có tên trong danh sách kèm theo vào Hội đồng thẩm định nội dung sách chuyên khảo, giáo trình dùng cho công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu.

Điều 2: Hội đồng có trách nhiệm thẩm định nội dung sách chuyên khảo, giáo trình dùng cho công tác đào tạo trình độ tiến sĩ theo đúng yêu cầu và quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế và các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 1, điều 3;
- Lưu VT, KH, (Đ.12).

SỐ CT:

Quyển số:

SCT/BS VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thắng

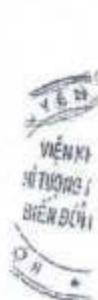


CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
THẨM ĐỊNH NỘI DUNG SÁCH

(Kèm theo Quyết định số 321/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 29 tháng 9 năm 2016 của
 Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu)

TT	Họ và tên kèm học vị	Chức vụ trong Hội đồng	Đơn vị công tác
1	PGS.TS. Huỳnh Thị Lan Hương	Chủ tịch	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu
2	PGS. TS. Dương Văn Khảm	Phản biện	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu
3	PGS. TS. Doãn Hà Phong	Phản biện	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu
4	TS. Đỗ Tiên Anh	Ủy viên	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu
5	TS. Lê Ngọc Cầu	Ủy viên	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu
6	TS. Bùi Văn Đức	Ủy viên	Chuyên gia
7	PGS. TS. Hoàng Minh Tuyền	Ủy viên	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu
8	TS. Nguyễn Thị Hiền Thuận	Ủy viên	Chuyên gia
9	ThS. Trần Thanh Thùy	Thư ký	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu



HỘI ĐỒNG

DANH MỤC SÁCH

(Kèm theo Quyết định Số: 321/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 29 tháng 9 năm 2016)

TT	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu	NXB Tài nguyên -Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2015
2	Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam	NXB Tài nguyên -Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2016
3	Giáo trình vật lý khí quyển	NXB Tài nguyên -Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2016





Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2016

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU**

Thời gian: Từ 8 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút ngày 27 tháng 11 năm 2016

Địa điểm: Phòng họp 116 của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu

Nội dung: **Thẩm định sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh**

Chủ trì: PGS.TS Huỳnh Thị Lan Hương - Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu

Thu ký: ThS. Trần Thanh Thủy - Ủy viên thường trực Hội đồng khoa học Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu

Các thành viên Hội đồng tham gia:

1. PGS. TS Doãn Hà Phong - Trưởng phòng NC Viễn thám và GIS
2. PGS. TS Dương Văn Khám - Giám đốc Trung tâm NC Khí tượng nông nghiệp
3. PGS. TS Hoàng Minh Tuyên - Giám đốc Trung tâm NC Thủy văn và TNN
4. TS Lê Ngọc Cầu - Phó Giám đốc Trung tâm NC Môi trường
5. TS Đỗ Tiên Anh - Phó Giám đốc Trung tâm NC Biển đổi khí hậu
6. TS Bùi Văn Đức - Chuyên gia
7. TS Nguyễn Thị Hiền Thuận - Chuyên gia

1. Chương trình làm việc

PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương thông báo nội dung của cuộc họp:

Mục đích cuộc họp: Thẩm định nội dung các cuốn sách chuyên khảo dùng cho NCS đang học tập tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu.

Các cuốn sách cần được thẩm định:

- 1) Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu. NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2015
- 2) Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam. NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2016.

3) Giáo trình vật lý khí quyển. NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2016

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng

• PGS. TS Doãn Hà Phong

Nội dung của các cuốn sách này được trình bày hợp lý, lô gic và có thể sử dụng trong giảng dạy, cũng như tham khảo cho các NCS. Trong số các cuốn sách này, tôi đánh giá cao cuốn "*Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu*". Đây là báo cáo được xây dựng dựa trên Báo cáo đặc biệt của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) về Quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu (SREX). Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu (SREX Việt Nam) trình bày và sử dụng những khái niệm của báo cáo SREX, phân tích tình hình ở Việt Nam theo những kết quả của báo cáo SREX toàn cầu.

Giáo trình *Vật lý khí quyển* gồm 7 chương. Chương 1: Thành phần và cấu trúc khí quyển; Chương 2: Áp suất khí quyển; Chương 3: Bức xạ Mặt trời; Chương 4: Chế độ nhiệt; Chương 5: Chuyển động đối lưu trong khí quyển; Chương 6: Động lực học khí quyển; Chương 7: Hoàn lưu khí quyển

Nội dung cuốn sách thể hiện được các kiến thức chung về vật lý khí quyển kiến thức mang tính chất phổ biến, rộng rãi và có tính ứng dụng cao. Tài liệu này nên được dùng làm tài liệu chuyên khảo cho các nghiên cứu sinh tại Việt Nam.

Tài liệu *Kịch bản Biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam* phiên bản năm 2016 có những điểm mới quan trọng so với phiên bản năm 2012 như sau: sử dụng số liệu cập nhật; sử dụng các kết quả cập nhật nhất của các mô hình khí hậu toàn cầu; sử dụng phương pháp chi tiết hóa động lực dựa trên 5 mô hình khí hậu khu vực độ phân giải cao; sử dụng phương pháp thống kê để hiệu chỉnh kết quả tính toán của các mô hình động lực theo số liệu thực đo tại các trạm quan trắc,...

• PGS. TS Dương Văn Khám

Tôi hoàn toàn đồng ý với nội dung, hình thức và hàm lượng thông tin trong các tài liệu này. Nhìn chung, các tài liệu này đảm bảo chất lượng chuyên môn phục vụ công tác đào tạo NCS tại Việt Nam. Cụ thể, một số nhận xét cho từng cuốn như sau:

Tài liệu *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu* đưa ra các kiến thức mới và cập nhật về biến đổi khí hậu và động của biến đổi khí hậu cũng như những đánh giá

tác động của nó đến một số lĩnh vực ở Việt Nam như Tài nguyên nước, khí tượng khí hậu, nước biển dâng, ... và đề xuất các giải pháp ứng phó. Vì vậy, tài liệu nên dùng làm tài liệu chuyên khảo cho các nghiên cứu sinh đang nghiên cứu và học tập ở Viện.

Mục đích chính của giáo trình *Vật lý khí quyển* là khoa học nghiên cứu các hiện tượng và quá trình vật lý khác nhau xảy ra trong khí quyển như phát xạ, đổi nóng – làm lạnh, chu trình chuyển đổi các pha: Hơi nước – nước – đá, và nhất là các chuyển động của khí quyển trong các quy mô và môi trường khác nhau. Việc cung cấp kiến thức đầy đủ cho các chương trình đào tạo đại học và sau đại học về vật lý khí quyển: Thành phần khí quyển; Áp suất khí quyển; Bức xạ Mặt trời; Chế độ nhiệt; Chuyển động đối lưu trong khí quyển; Động lực học khí quyển và Hoàn lưu khí quyển luôn là một yêu cầu cần thiết. Cuốn sách này được đúc kết từ kinh nghiệm của các tác giả và nhiều tác giả khác, nội dung là đầy đủ và hợp lý, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác đào tạo như soạn bài, giảng bài và trích dẫn cho các NCS.

Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam là cuốn sách cung cấp những thông tin cập nhật về đánh giá những biến hiện, xu thế biến đổi trong quá khứ, kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong thế kỷ 21 ở Việt Nam. Chính vì lẽ đó tài liệu *Kịch bản Biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam* phiên bản năm 2016 được cập nhật theo lộ trình đã được xác định trong Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, nhằm cung cấp những thông tin mới nhất về diễn biến, xu thế biến đổi của khí hậu và nước biển dâng trong thời gian qua và kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong thế kỷ 21 ở Việt Nam. Tài liệu có tính kế thừa, nội dung là đầy đủ và phù hợp cho chương trình đào tạo NCS tại Viện.

• PGS. TS Huỳnh Thị Lan Hương

Các cuốn sách được đánh giá trong đợt này là các sản phẩm khoa học mới của các nhà khoa học đang công tác tại Viện và ngoài Viện. Rất nhiều cuốn sách được đầu tư với lực lượng nhà khoa học tham gia rất lớn và có ý nghĩa khoa học cao. Do vậy, các cuốn sách này hoàn toàn có thể dựa vào danh mục sách chuyên khảo phục vụ đào tạo NCS tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, cũng như các cơ sở đào tạo khác.

Cuốn sách *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu* là một công trình nghiên cứu khoa học rất đồ sộ và thu hút đến trên 80 nhà khoa học đến từ 19 cơ quan nghiên cứu hàng đầu cả nước tham gia thực hiện. Cuốn sách được trình bày trong hơn 400 trang A4 bao gồm bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài ra, cuốn sách này cũng được các chuyên gia trong và ngoài nước thẩm định một cách cẩn thận.

Tôi cho rằng, đây là một tài liệu quan trọng phục vụ công tác đào tạo nghiên cứu sinh tại Viện.

Cuốn sách *Kịch bản biến đổi khí hậu nước biển dâng cho Việt Nam* được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2016. Cuốn sách này cũng thu hút một lượng lớn các nhà khoa học tham gia thực hiện và được nhiều chuyên gia đầu ngành tham gia thẩm định. Thông tin được cung cấp trong cuốn sách này là cơ sở khoa học để các Bộ, Ngành và địa phương ứng dụng trong xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, cuốn sách này cũng là căn cứ khoa học quan trọng phục vụ các nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tôi cho rằng, cuốn sách này hoàn toàn đủ tiêu chuẩn về nội dung và chất lượng thông tin là sách chuyên khảo phục vụ công tác đào tạo NCS tại Viện.

Cuốn sách *Giáo trình vật lý khí quyển* của tác giả Nguyễn Văn Thắng được viết theo đơn đặt hàng của Viện nhằm phục vụ công tác đào tạo NCS. Cuốn sách này được trình bày trong 7 Chương (165 trang giấy A5) với nội dung chính: (1) Chương 1: Thành phần và cấu trúc khí quyển; (2) Chương 2: Áp suất khí quyển; (3) Chương 3: Bức xạ mặt trời; (4) Chương 4: Chế độ nhiệt; (5) Chương 5: Chuyển động đối lưu trong khí quyển; (6) Chương 6: Động lực học khí quyển; (7) Chương 7: Hoàn lưu khí quyển. Như vậy có thể nhận thấy, hầu hết các vấn đề khoa học vật lý khí quyển đã được trình bày. Điều này cho thấy, sự đầu tư công phu của tác giả cho cuốn sách. Hơn nữa, các nội dung trong cuốn sách có sự kết hợp rõ ràng giữa kinh nghiệm nghiên cứu của tác giả với các tài liệu tham khảo có độ tin cậy cao. Nhìn chung, nội dung của cuốn sách này là đầy đủ và phù hợp với yêu cầu dành cho đào tạo NCS tại Viện.

• TS. Bùi Văn Đức

Tôi hoàn toàn đồng ý với 3 cuốn sách được đưa ra đánh giá về nội dung lần này là có thể đưa vào phục vụ đào tạo NCS tại Viện. Trong đó, đặc biệt là các cuốn sách có sự đầu tư rất lớn về khoa học và thu hút nhiều nhà khoa học tham gia như: Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu; và Kịch bản biến đổi khí hậu nước biển dâng cho Việt Nam.

Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu được chia 9 chương. Chương 1, trình bày những khái niệm và định nghĩa chính được sử dụng trong báo cáo và các mối quan hệ giữa quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chương 2 mô tả và phân tích sâu hơn về mức độ phơi bày trước hiểm họa và tính dễ bị tổn thương, là các yếu tố quyết định rủi ro. Chương 3 trình bày về những hiện tượng khí hậu cực

đoan đã xảy ra ở Việt Nam và những thay đổi được dự tính về cực đoan khí hậu, cũng như các tác động lên môi trường tự nhiên. Chương 4 thảo luận các tác động của cực đoan khí hậu lên hệ sinh thái và hệ nhân sinh. Chương 5 trình bày về quản lý rủi ro ở cấp địa phương và chương 6 thảo luận các hệ thống quản lý rủi ro. Quản lý rủi ro ở cấp quốc tế có liên quan đến Việt Nam được thảo luận ở Chương 7. Chương 8 trình bày các kết luận và khuyến nghị có thể giúp Việt Nam hướng tới một tương lai bền vững và có khả năng chống chịu vì những hiện tượng cực đoan đang trở nên cực đoan hơn. Chương 9 trình bày những trường hợp điển hình với những thách thức và bài học từ những hiện tượng cực đoan liên quan đến khí hậu trong quá khứ của Việt Nam. Nội dung sách phù hợp phục vụ đào tạo NCS tại Viện đặc biệt là các nghiên cứu sinh chuyên ngành khí tượng khí hậu học, biến đổi khí hậu.

Vật lý khí quyển là giáo trình được biên soạn và xuất bản để dùng làm tài liệu giảng dạy cho các chương trình đào tạo đại học, trên đại học thuộc các lĩnh vực Khí tượng Thủy văn, Khí hậu, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Đối với các nghiên cứu sinh tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, đây là tài liệu chuyên khảo có giá trị và cần thiết.

Tài liệu *Kịch bản Biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam* cung cấp thông tin phục vụ nghiên cứu, giáo dục được biên soạn dựa trên kết quả nghiên cứu do Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khác ở trong và ngoài nước xây dựng và cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu chi tiết cho Việt Nam nên chất lượng của báo cáo là hoàn toàn đáng tin cậy. Cuốn sách này có thể được đưa vào sử dụng trong công tác đào tạo NCS tại Viện. Do vậy, cuốn sách này có ý nghĩa tham khảo và sử dụng rất cao. Có thể định hướng làm luận án cho các NCS chuyên ngành Khí tượng và Khí hậu học, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- TS. Nguyễn Thị Hiền Thuận

Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu là một trong những kết quả của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) do Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cùng với các cơ quan nghiên cứu khác ở trong và ngoài nước nên có hàm lượng khoa học cao và độ tin cậy lớn. Đây là tài liệu có tính tổng hợp và tham khảo cao, có thể sử dụng trong đào tạo, tham khảo cho các NCS.

Giáo trình *Vật lý khí quyển* gồm có 7 chương. Nội dung các chương được trình bày khá chi tiết và cụ thể từ thành phần và cấu trúc khí quyển; áp suất khí quyển; bức xạ Mặt trời; chế độ nhiệt; chuyển động đối lưu trong khí quyển; động lực học khí quyển và hoàn lưu khí quyển. Cuốn sách được đầu tư bìa bìn, công phu và trình bày

một cách lô gic. Thông tin được đưa ra có hàm lượng khoa học cao, đáp ứng được công tác đào tạo ở trình độ tiến sĩ. Tôi đồng ý với việc bổ sung tài liệu này vào danh mục sách chuyên khảo của Viện phục vụ đào tạo NCS.

Kịch bản Biển đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam được xây dựng dựa trên cơ sở kế thừa và bổ sung các kịch bản công bố trước đây. Các số liệu về khí tượng thủy văn, mực nước biển và địa hình của Việt Nam đã được cập nhật. Phương pháp mới nhất trong Báo cáo đánh giá khí hậu lần thứ 5 của Ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu, các mô hình khí hậu toàn cầu, các mô hình khí hậu khu vực và phương pháp thống kê đã được sử dụng để tính toán chi tiết cho khu vực Việt Nam.

• PGS. TS *Hoàng Minh Tuyền*

Cuốn sách *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu* được Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) cùng nghiên cứu, xây dựng với sự tham gia của Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Thủy lợi Hà Nội, Trường Đại học Huế, Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi Khí hậu, Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, các tổ chức phi chính phủ và các chuyên gia trong và ngoài nước về quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây là tài liệu có tính khoa học cao, đáp ứng được nhu cầu tham khảo của các nghiên cứu sinh đặc biệt là các nghiên cứu sinh thuộc các chuyên ngành khí tượng và khí hậu học, biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

Giáo trình *Vật lý khí quyển* là tài liệu không thể thiếu được cho các nghiên cứu sinh. Cung cấp những kiến thức cơ bản khái quát về cấu trúc khí quyển, chuyển động đối lưu trong khí quyển và hệ các phương trình chuyển động của khí quyển. Giáo trình là kho tài liệu quý báu trong nghiên cứu học tập của các nghiên cứu sinh tại Việt Nam.

Kịch bản Biển đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam được thiết kế để cung cấp những thông tin dưới dạng dễ hiểu và dễ sử dụng, trên cơ sở tham vấn rộng rãi ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương nhằm đánh giá thông tin, nhu cầu dữ liệu và các phương pháp diễn đạt. Các ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương về việc khai thác sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam đã được xem xét, tiếp thu và cập nhật trong kịch bản năm 2016.

• TS. Lê Ngọc Cầu

Nhìn chung, các cuốn sách có nội dung khoa học mới và có ý nghĩa đào tạo cao có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, chuyên khảo, giáo trình cho các nghiên cứu sinh tại Việt Nam.

Đối tượng chính mà sách *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu* hướng đến là các nhà hoạch định chính sách, các nhà chuyên môn của các cơ quan chính phủ, cũng như các tổ chức quản lý, chính trị, xã hội và nghề nghiệp đang quan tâm đến Biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai. Báo cáo cũng nhằm phục vụ cộng đồng hành động; cộng đồng khoa học quan tâm tới khía cạnh môi trường, xã hội hoặc kinh tế của Biến đổi khí hậu; và cộng đồng quản lý rủi ro thiên tai bao gồm các nhân viên chính phủ ở các cấp, thành viên của các tổ chức xã hội và các tổ chức phát triển quốc tế có mặt tại Việt Nam. Báo cáo còn trình bày những kết quả chính và cung cấp các khuyến nghị về chính sách mà các nhà hoạch định chính sách và các phương tiện truyền thông và công chúng quan tâm.

Nội dung *Kịch bản Biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam 5* chung chính như sau: Chương 2: Cơ sở khoa học của biến đổi khí hậu, trình bày về: nguyên nhân của biến đổi khí hậu; kịch bản khí nhà kính và mô hình khí hậu; biến đổi khí hậu và nước biển dâng quy mô toàn cầu và khu vực; Chương 3: Biểu hiện của biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở Việt Nam, trình bày về: số liệu sử dụng trong phân tích xu thế và xây dựng kịch bản; xu thế biến đổi của các yếu tố khí hậu; xu thế biến đổi của các cực đoan khí hậu; xu thế biến đổi của mực nước biển; Chương 4: Phương pháp xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam, trình bày về phương pháp xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu; phương pháp xây dựng kịch bản nước biển dâng; phương pháp xây dựng bản đồ nguy cơ ngập; Chương 5: Kịch bản biến đổi khí hậu cho Việt Nam, trình bày về kịch bản biến đổi khí hậu đối với nhiệt độ; kịch bản biến đổi khí hậu đối với lượng mưa; kịch bản biến đổi của một số hiện tượng khí hậu cực đoan; Chương 6: Kịch bản nước biển dâng cho Việt Nam, trình bày về kịch bản nước biển dâng và một số nhận định về mực nước cực trị; nguy cơ ngập theo các mực nước biển dâng. Các chương đều được trình bày chi tiết, cụ thể, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của các nghiên cứu sinh tại Viện

Vật lý khí quyển là cuốn giáo trình khoa học nghiên cứu về bức xạ mặt trời, cân bằng nhiệt lượng, cân bằng lượng nước và hoàn lưu khí quyển, có thể coi môn học vật lý khí quyển là khoa học cơ sở lý luận của khí hậu học. Vật lý khí quyển luôn tiến đến kết quả cuối cùng là tìm kiếm cách thức dự báo các hiện tượng khí quyển – đại dương. Tất nhiên, những khó khăn trong dự báo còn phụ thuộc vào hiểu biết của con người về các qui luật vật lý điều khiển các dòng chảy không khí một cách định lượng. Giáo trình được biên soạn với mục đích đáp ứng yêu cầu các chương trình đào tạo đại học và trên đại học chuyên ngành khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai và phát triển bền vững.

• TS. Đỗ Tiến Anh

Tôi cũng đồng tình với các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng về việc đồng ý sử dụng 3 cuốn sách này làm sách chuyên khảo này dành cho NCS tại Viện.

Việc cung cấp kiến thức đầy đủ cho các chương trình đào tạo đại học và sau đại học về khí hậu: Thành phần và cấu trúc khí quyển; Áp suất khí quyển; Bức xạ Mặt trời; Chế độ nhiệt, Chuyển động đối lưu trong khí quyển; Động lực học khí quyển; Hoàn lưu khí quyển đã và đang trở thành một yêu cầu cấp thiết. Chính vì lẽ đó, giáo trình *Vật lý khí quyển* đã được biên soạn nhằm phục vụ nghiên cứu sinh cũng như các nhà khoa học quan tâm đến khí hậu.

Kịch bản Biển đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam có mức độ chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh và các đảo, quần đảo của Việt Nam. Bản đồ nguy cơ ngập do nước biển dâng có mức độ chi tiết đến cấp huyện và đến cấp xã đối với các khu vực có bản đồ địa hình tỷ lệ lớn. Kịch bản về một số đặc trưng cực trị khí hậu được cung cấp để phục vụ công tác quy hoạch. Là cuốn tài liệu quý báu trong nghiên cứu học tập của các nghiên cứu sinh tại Viện

3. Đánh giá của hội đồng

Kết quả 100% thành viên tham dự họp Hội đồng khoa học đồng ý đưa các cuốn sách này vào danh mục Danh mục Tài liệu tham khảo, chuyên khảo, giáo trình của nghiên cứu sinh tại Viện

4. Kết luận của PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương

Sau khi nghe ý kiến của các thành viên Hội đồng, kết quả biểu quyết của Hội đồng, Hội đồng nhất trí đưa các cuốn sách này vào Danh mục Tài liệu tham khảo, chuyên khảo, giáo trình của nghiên cứu sinh tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường.

Cuộc họp kết thúc vào 11 giờ 30 phút cùng ngày.

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2016

THƯ KÝ

ThS. Trần Thanh Thủy

CHỦ TRỊ

PGS. TS Huỳnh Thị Lan Hương

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

BẢN SAO

Về việc phê duyệt bổ sung Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình dùng
cho công tác đào tạo trình độ tiến sĩ

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU**

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 333/CT ngày 14 tháng 12 năm 1982 của Chủ tịch Hội đồng
Bộ trưởng giao nhiệm vụ cho Viện Khí tượng Thủy văn (nay là Viện Khoa học Khí
tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu) đào tạo cán bộ trên đại học trong nước;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 31 tháng 3 năm 2015 của
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu về việc phê duyệt Quy định
chi tiết đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản thẩm định Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình dùng cho
công tác đào tạo trình độ tiến sĩ ngày 27 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Khoa học
Công nghệ và Đào tạo Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình dùng cho công tác đào
tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu (Danh
mục sách kèm theo);

Điều 2: Các sách trong Danh mục đã phê duyệt được sử dụng cho các nghiên cứu
sinh trong quá trình nghiên cứu và học tập tại Viện;

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Trưởng phòng Khoa học, Đào
tạo và Hợp tác quốc tế và các bộ môn có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Ngày 28-06-2019

65349 01

Số chứng thực Quyền số SCT/BS

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT (Đ.7)



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh

DANH MỤC SÁCH CHUYÊN KHẢO, GIÁO TRÌNH DÙNG CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIỀN SĨ
 (Kèm theo quyết định số 393/QĐ-VKTTVTYBĐKH ngày 27 tháng 11 năm 2016 của Viện Khoa học Kỹ thuật Thủy văn và Biển đối khí hậu)

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Tác giả
1	Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu	Chuyên khảo	NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2015	11	1. Chủ biên: Trần Thục, Koos Neefjes 2. Biên soạn: Tạ Thị Thanh Hương; Nguyễn Văn Thắng; Mai Trọng Nhuận; Lê Quang Trí; Lê Đình Thành; Huỳnh Thị Lan Hương; Võ Thành Sơn; Nguyễn Thị Hiền Thuận; Lê Nguyên Tường
2	Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển đang cho Việt Nam	Chuyên khảo	NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2016	6	Đồng chủ biên: Trần Thục, Nguyễn Văn Thắng, Huỳnh Thị Lan Hương, Mai Văn Khiêm, Nguyễn Xuân Hiền, Doãn Hà Phong
3	Giáo trình vật lý khí quyển	Giáo trình	NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2016	1	PGS. TS Nguyễn Văn Thắng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU

Số: 12/GXN-VKTTVBĐKH-KH

BẢN SAO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

GIẤY XÁC NHẬN

Căn cứ Biên bản thẩm định sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh họp ngày 27 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Khoa học Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu về việc phê duyệt bổ sung Danh mục sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh,

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu chứng nhận sách:

Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu

Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam

Xuất bản năm 2015

Chủ biên: Trần Thục, Koos Neefjes

Biên soạn: Tạ Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Thắng, Mai Trọng Nhuận, Lê Quang Trí, Lê Đình Thành, Huỳnh Thị Lan Hương, Võ Thanh Sơn, Nguyễn Thị Hiền Thuận, Lê Nguyên Tường

Cuốn ~~CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH~~ Ngày ~~20/10/2016~~ là tài liệu chuyên khảo sử dụng trong công tác đào tạo tiến sĩ cho các ngành: Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Biển đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Số CT: 64264 - --
Quyển số: 01 - u
SCT/BS

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

(ký, ghi rõ họ tên)



Dương Hồng Sơn



CÔNG CHỨNG VIÊN
Truong Thi Nga

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
HÌNH TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU

Số: 13 /GXN-VKTTVBĐKH-KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BẢN SAO
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

GIẤY XÁC NHẬN

Căn cứ Biên bản thẩm định sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh họp ngày 27 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Khoa học Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu về việc phê duyệt bổ sung Danh mục sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh,

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu chứng nhận sách:

Kịch bản biến đổi khí hậu nước biển dâng cho Việt Nam

Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam

Xuất bản năm 2016

Nhóm tác giả chính; GS. TS. Trần Thục, PGS. TS. Nguyễn Văn Thắng, PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương, TS. Mai Văn Khiêm, TS. Nguyễn Xuân Hiển, PGS. TS. Doãn Hà Phong

Cuốn sách là tài liệu chuyên khảo sử dụng trong công tác đào tạo tiến sĩ cho các ngành: Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Biển đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Ngày: 28-06-2019

Số CT: 64264...Quyển số: 01...SCTBS

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
(ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trường Thị Nga

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU

Số: 509/QĐ-VKTTVBĐKH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 3 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định nội dung sách

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 333/CT ngày 14 tháng 12 năm 1982 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao nhiệm vụ cho Viện Khí tượng Thủy văn (nay là Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu) đào tạo cán bộ trên đại học trong nước;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu về việc phê duyệt Quy định chi tiết đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay cử các Ông, Bà có tên trong danh sách kèm theo vào Hội đồng thẩm định nội dung sách chuyên khảo, giáo trình dùng cho công tác đào tạo trình độ ~~tiến sĩ~~ của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu.

Điều 2: Hội đồng có trách nhiệm thẩm định nội dung sách chuyên khảo, giáo trình dùng cho công tác đào tạo trình độ tiến sĩ theo đúng yêu cầu và quy định hiện hành. *64264 01-0*

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế và các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Nhu điều 1, điều 3;
- Lưu VT, KH, (Đ.12).



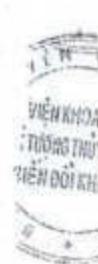
Nguyễn Văn Thắng



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
THẨM ĐỊNH NỘI DUNG SÁCH

(Kèm theo Quyết định số 509/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 3 tháng 10 năm 2017 của
 Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

TT	Họ và tên kèm học vị	Chức vụ trong Hội đồng	Đơn vị công tác
1	PGS.TS. Huỳnh Thị Lan Hương	Chủ tịch	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
2	PGS. TS. Dương Văn Khảm	Phản biện	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
3	PGS. TS. Doãn Hà Phong	Phản biện	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
4	TS. Đỗ Tiến Anh	Ủy viên	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
5	TS. Lê Ngọc Cầu	Ủy viên	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
6	TS. Bùi Văn Đức	Ủy viên	Chuyên gia
7	PGS. TS. Hoàng Minh Tuyền	Ủy viên	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
8	TS. Nguyễn Thị Hiền Thuận	Ủy viên	Chuyên gia
9	ThS. Trần Thanh Thùy	Thư ký	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu



INSTITUTE OF METEOROLOGY, HYDROLOGY AND CLIMATE CHANGE

DANH MỤC SÁCH

(Kèm theo Quyết định Số: 509/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 3 tháng 10 năm 2017)

TT	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Mô hình hóa khí hậu	Tài nguyên -Môi trường và Bản đồ Việt Nam
2	Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo	Tài nguyên -Môi trường và Bản đồ Việt Nam
3	Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam	Tài nguyên -Môi trường và Bản đồ Việt Nam

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU**

Thời gian: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 10 năm 2017

Địa điểm: Phòng họp 116, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu

Nội dung: Thẩm định nội dung các cuốn sách chuyên khảo dùng cho NCS

Chủ trì: PGS.TS Huỳnh Thị Lan Hương - Phó Viện trưởng, Chủ tịch Hội đồng

Thư ký: ThS. Trần Thanh Thùy, Trưởng Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế
- Thư ký Hội đồng

I. Các thành viên Hội đồng tham gia

1. PGS. TS Dương Văn Khám - Giám đốc Trung tâm NC Khí tượng nông nghiệp, Phân viện HD
2. TS. Đỗ Tiến Anh - Phó Giám đốc Trung tâm NC Biển đổi khí hậu, phân viện HD
3. PGS. TS Doãn Hà Phong - Trưởng phòng NC Viễn thám và GIS, Ủy viện HD
4. PGS. TS Hoàng Minh Tuyền - Giám đốc Trung tâm NC Thủy văn và TNN, Ủy viện HD
5. TS. Lê Ngọc Cầu - Phó Giám đốc Trung tâm NC Môi trường, Ủy viện HD
6. TS. Bùi Văn Đức - Chuyên gia, Ủy viện HD
7. TS. Nguyễn Thị Hiền Thuận - Chuyên gia, Ủy viện HD

II. Nội dung làm việc

II.1. Chương trình làm việc

PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương thông báo mục đích và nội dung của cuộc họp

Mục đích cuộc họp: Thẩm định nội dung các cuốn sách chuyên khảo dùng cho NCS đang học tập tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu.

Các cuốn sách cần được thẩm định:

- 1) Mô hình hóa khí hậu. NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017
- 2) Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo. NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017

3) Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam. NXB Tài nguyên -Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017

II.2. Ý kiến của các thành viên

1) PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương

Các cuốn sách được đánh giá trong đợt này là các sản phẩm khoa học mới của các nhà khoa học đang công tác tại Viện và ngoài Viện. Rất nhiều cuốn sách được đầu tư với lực lượng nhà khoa học tham gia rất lớn và có ý nghĩa khoa học cao. Do vậy, các cuốn sách này hoàn toàn có thể đưa vào danh mục sách chuyên khảo phục vụ đào tạo NCS tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu, cũng như các cơ sở đào tạo khác.

Cuốn sách *Mô hình hóa khí hậu* được biên tập có sự kết hợp giữa chuyên gia thuộc Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu với chuyên gia thuộc Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Cuốn sách được biên tập nhằm mục đích phục vụ đào tạo sau đại học tài cơ sở đào tạo Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Cuốn sách này là một trong những tài liệu được công bố đầu tiên ở Việt Nam về vấn đề mô hình hóa khí hậu. Các nội dung chính của cuốn sách được trình bày trong 255 trang giấy A5 (3 Chương). Nhìn chung, các nội dung chính của cuốn sách được trình bày một cách đầy đủ, lô gic và dễ hiểu. Đặc biệt, các thông tin mới nhất về công nghệ mô hình hóa khí hậu đã được trình bày. Tôi cho rằng, đây là tài liệu chuyên khảo có đủ nội dung về chuyên môn phục vụ công tác đào tạo NCS tại Viện.

Cuốn sách *Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo* được đúc kết từ kinh nghiệm nghiên cứu của nhóm tác giả thông qua các đề tài khoa học các cấp. Nội dung chính của cuốn sách được trình bày trong khoảng 300 trang A5 về hầu hết các vấn đề quan trọng của bài toán giám sát, cảnh báo và dự báo: Khái niệm cơ bản, phương pháp luận nghiên cứu hạn hán, phương giám sát và cảnh báo, dự báo, các kết quả xây dựng mô hình dự báo và đánh giá tính phù hợp cho khu vực Việt Nam. Nhìn chung, hầu hết các vấn đề quan trọng nhất của bài toán gồm cả lý thuyết, thành tế và công nghệ đã được nói rõ. Do vậy, đây là một tài liệu có thể được đưa vào phục vụ công tác đào tạo NCS tại Viện. Đặc biệt, các tài liệu về hạn hán còn đang khá khiêm tốn hiện nay.

Cuốn sách *Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam* được biên tập từ kết quả nghiên cứu của các tác giả. Nội dung được trình bày trong gần 300 trang A5. Các vấn đề về khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam dựa trên bộ số liệu cập nhật đến năm 2010 đã được trình bày rõ ràng. Hơn nữa, các phương pháp tính toán và nghiên cứu cũng

được trình bày, là minh chứng quan trọng phục vụ công tác học tập. Theo nhận định của tôi, bên cạnh các tài liệu về khí hậu Việt Nam đã được sử dụng, cuốn sách này và cuốn sách sẽ là sự bổ sung quan trọng phục vụ công tác đào tạo NCS tại Viện.

2) TS. Đỗ Tiến Anh

Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo là cuốn sách tổng hợp được từ các kết quả nghiên cứu đánh giá về hạn hán và cung cấp những cảnh báo, dự báo hạn hán của Việt Nam do Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu thực hiện trong nhiều năm. Trên cơ sở nghiên cứu, cuốn sách cung cấp những thông tin dự báo hạn hán nhằm hạn chế những thiệt hại do nó gây ra.

Mục đích chính của giáo trình *Mô hình hóa khí hậu* là cung cấp các thông tin khí hậu cơ bản, các chỉ số khí hậu ứng dụng và phương pháp ứng dụng thông tin khí hậu vào dự báo khí hậu phục vụ các ngành kinh tế - xã hội và phòng chống thiên tai. Phạm vi nghiên cứu của giáo trình khá rộng đáp ứng nhu cầu học tập của trình độ đại học cũng như trên đại học (bao gồm cả nghiên cứu sinh).

Cuốn sách *Khí hậu và Biển đổi khí hậu Việt Nam* đưa ra các kiến thức mới và cập nhật về biến đổi khí hậu và động của biến đổi khí hậu cũng như những đánh giá tác động của nó đến một số lĩnh vực ở Việt Nam như Tài nguyên nước, khí tượng khí hậu, nước biển dâng, ... và đề xuất các giải pháp ứng phó. Vì vậy, tài liệu nên dùng làm tài liệu chuyên khảo cho các nghiên cứu sinh đang nghiên cứu và học tập tại Viện.

Nhìn chung, 3 cuốn sách này đều có nội dung tốt và hoàn toàn có thể đưa vào sử dụng làm tài liệu phục vụ đào tạo NCS tại Viện. Do vậy, tôi kiến nghị với Viện bổ sung thêm 3 tài liệu này vào danh mục sách chuyên khảo phục vụ đào tạo NCS.

3) PGS. TS. Dương Văn Khảm

Tôi hoàn toàn đồng ý với 3 cuốn sách được đưa ra đánh giá về nội dung lần này là có thể đưa vào phục vụ đào tạo NCS tại Viện bởi lẽ, lĩnh vực mô hình hóa khí hậu, hạn hán là lĩnh vực chưa có cuốn nào sách được đưa vào chính thức phục vụ đào tạo. Việc bổ sung các cuốn sách *Mô hình hóa khí hậu* và *Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo* phục vụ công tác đào tạo NCS tại Viện là rất có ý nghĩa. Nhìn chung, các tài liệu này có nội dung rất rõ ràng, đầy đủ và phù hợp với trình độ đào tạo tiến sĩ.

Về lĩnh vực nghiên cứu khí hậu, thực tế có tài liệu *Khí hậu và tài nguyên khí hậu Việt Nam* đã được ứng dụng phổ biến. Tuy nhiên, tài liệu này được xây dựng dựa trên bộ số liệu cách đây khoảng 20 năm. Do vậy, cuốn sách *Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam* được công bố, nếu được đưa vào làm tài liệu phục vụ đào tạo sẽ tài

kênh thông tin quan trọng nhằm bổ sung và đổi chiều với kết quả trước. Hơn nữa, tài liệu này được biên tập với có bổ sung thêm các thông tin về phương pháp luận, cũng như biến đổi khí hậu. Từ đó tôi cho rằng, tài liệu này hoàn toàn phù hợp phục vụ đào tạo NCS tại Viện.

4) TS. Nguyễn Thị Hiền Thuận

Tôi đồng ý với việc sử dụng 3 tài liệu này làm sách chuyên khảo cho đào tạo NCS tại Viện. Các tài liệu này đều là các tài liệu được đầu tư biên tập công phu, có sự đóng góp của nhiều nhà khoa học. Đặc biệt, nhiều vấn đề mới về cập nhật công nghệ mới của thế giới cũng đã được đề cập, ví dụ như trong cuốn sách *Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo*. Hay cuốn sách, *Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam* là sự bổ sung thông tin hợp lý. Đây là những tài liệu rất quan trọng, hàm lượng khoa học cao, thích hợp cho các nghiên cứu sinh tham khảo, học tập tại Viện.

Ngoài ra, tôi rất ấn tượng với phần phụ lục về số liệu khí hậu được đưa vào trong cuốn sách *Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam*. Phần phục lục này có thể coi là nguồn số liệu tham khảo, nguồn thông tin đồng chiều và tra cứu phục vụ nghiên cứu và học tập.

5) TS. Bùi Văn Đức

Cả 3 cuốn sách được đánh giá lần này đều là các cuốn sách được đầu tư kỹ lưỡng cả về hình thức cũng như chất lượng, có hàm lượng khoa học và ý nghĩa sử dụng trong đào tạo cao. Tôi hoàn toàn ủng hộ việc đưa 3 cuốn sách này vào danh mục sách chuyên khảo phục vụ đào tạo NCS tại Viện, cũng như các cơ sở đào tạo khác.

Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo là cuốn sách được biên soạn và xuất bản để dùng làm tài liệu giảng dạy cho các chương trình đào tạo đại học, trên đại học thuộc các chuyên ngành Khí tượng Thủy văn, Khí hậu. Đối với các nghiên cứu sinh tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, đây là tài liệu chuyên khảo có giá trị và cần thiết.

Nội dung sách *Khí hậu và Biến đổi khí hậu Việt Nam* được chia 5 chương. Chương 1, trình bày các phương pháp tính toán đặc trưng khí hậu và biến đổi khí hậu. Chương 2, trình bày đặc điểm khí hậu trên đất liền Việt Nam. Chương 3 trình bày về đặc điểm khí hậu vùng bờ biển và hải đảo. Chương 4 thảo luận biến đổi khí hậu ở Việt Nam thời kỳ 1961-2010. Chương 5 tóm lược điều kiện khí hậu ở các vùng và những thuận lợi, khó khăn trong phát triển kinh tế xã hội. Các nội dung phù hợp cho các nghiên cứu sinh tham khảo trong nghiên cứu nói chung, đặc biệt là trong lĩnh vực khí hậu, biến đổi khí hậu nói riêng tại Viện.

Mô hình hóa khí hậu là tài liệu xây dựng với mục đích cung cấp thông tin phục vụ giáo dục vì vậy toàn bộ nội dung cũng như các kiến thức mà tài liệu mang lại thích hợp cho các nghiên cứu sinh tại Viện cũng như các nghiên cứu sinh của các ngành Khí tượng, Biển đổi khí hậu

6) PGS. TS. Doãn Hả Phong

Giám sát và cảnh báo hạn hán là một trong những chủ đề thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khí tượng và khí hậu học ở các nước trên thế giới, nhiều cơ quan chuyên trách về hạn hán được thành lập. Việc đánh giá, giám sát và dự báo hạn hán được tiến hành với sự trợ giúp của công nghệ viễn thám, trong đó đã sử dụng số liệu về chỉ số thực vật đo từ vệ tinh VCI và chỉ số cung cấp nước thực vật WSVI, vì vậy giáo trình *Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo* được biên soạn dùng làm tài liệu chuyên khảo cho các nghiên cứu sinh đang nghiên cứu và học tập tại Viện.

Những năm gần đây mô hình hóa khí hậu đang là một công cụ đắc lực trong nghiên cứu khí hậu. Bởi lẽ, sự hữu ích của công cụ này được áp dụng cho cả nghiên cứu biến đổi khí hậu trong quá khứ và dự báo/dự tính khí hậu cho tương lai. Trong đó, việc nghiên cứu biến đổi khí hậu trong quá khứ bằng mô hình khí hậu có nghĩa là mô phỏng lại khí hậu quá khứ với mục đích kiểm nghiệm, cải tiến mô hình, tiến tới dự báo/dự tính cho tương lai. Giáo trình *Mô hình hóa khí hậu* là kho tài liệu quý báu trong nghiên cứu học tập của các nghiên cứu sinh tại Viện.

Cuốn sách *Khí hậu và Biển đổi khí hậu Việt Nam* là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước “Nghiên cứu xây dựng Atlas khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam” do TS. Mai Văn Khiêm thực hiện. Cuốn sách được trình bày khá chi tiết và cụ thể từ các khái niệm cơ bản đến các ứng dụng thông tin khí hậu và dự báo khí hậu phục vụ các ngành như sản xuất nông nghiệp, tài nguyên nước, y tế, du lịch. Cuốn sách là kho tài liệu quý báu trong nghiên cứu học tập của các nghiên cứu sinh tại Viện.

7) TS. Lê Ngọc Cầu

Nội dung của cuốn sách *Khí hậu và Biển đổi khí hậu Việt Nam* được biên tập chủ yếu dựa trên bộ số liệu quan trắc khí tượng thủy văn thực tế ở Việt Nam trong giai đoạn 1961-2010. Thông tin cung cấp đến người đọc bao gồm: 1) Phương pháp tính toán các đặc trưng khí hậu, biến đổi khí hậu; 2) Đánh giá điều kiện khí hậu trên khu vực đất liền Việt Nam; 3) Điều kiện khí hậu ở vùng ven biển và hải đảo; 4) Đánh giá biến hiện của biến đổi khí hậu thời kì 1961-2010; 5) Khái quát điều kiện khí hậu và những thuận lợi, khó khăn trong phát triển kinh tế xã hội ở các vùng.

Mô hình hóa khí hậu là cuốn giáo trình bao gồm các nội dung chính như sau: Chương 1: “Khí hậu” trình bày các hệ thống khí hậu, thành phần của hệ thống khí hậu và cơ chế hồi tiếp khí hậu. Chương 2: “Lịch sử và các dạng mô hình khí hậu” giới thiệu về mô hình khí hậu và các dạng mô hình khí hậu. Chương 3: “Mô hình hóa tương tác đại dương – khí quyển” nêu quá trình vận chuyển năng lượng và vật chất cùng với mô hình kết hợp đại dương – khí quyển.

Sách *Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo* gồm 5 chương. Nội dung cuốn sách thể hiện được các kiến thức chung về khí hậu kiến thức mang tính chất phổ biến, rộng rãi và có tính ứng dụng cao. Tài liệu này nên được dùng làm tài liệu chuyên khảo cho các nghiên cứu sinh tại Viện.

8) PGS. TS Hoàng Minh Tuyên

Các cuốn sách đều được đầu tư bài bản, công phu và trình bày một cách lô gic. Thông tin được đưa ra có hàm lượng khoa học cao, đáp ứng được công tác đào tạo ở trình độ tiến sĩ. Tôi đồng ý với việc bổ sung 3 tài liệu này vào danh mục sách chuyên khảo của Viện phục vụ đào tạo NCS.

III. Kết luận của chủ trì

Kết quả 100% thành viên tham dự họp Hội đồng khoa học đồng ý đưa các cuốn sách này vào Danh mục Tài liệu tham khảo, chuyên khảo, giáo trình của NCS.

Sau khi nghe ý kiến của các thành viên trong Hội đồng cùng với các kết quả biểu quyết của Hội đồng, Hội đồng nhất trí đưa các cuốn sách trên vào danh mục Sách giáo trình, Tài liệu chuyên khảo dùng cho NCS.

Cuộc họp kết thúc vào 17h00 phút cùng ngày

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

THƯ KÝ

CHỦ TRÌ

ThS. Trần Thanh Thủy

PGS. TS Huỳnh Thị Lan Hương



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU

Số: 536/QĐ-VKTTVBĐKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2017

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình dùng
cho công tác đào tạo trình độ tiến sĩ

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU**

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 333/CT ngày 14 tháng 12 năm 1982 của Chủ tịch Hội đồng
Bộ trưởng giao nhiệm vụ cho Viện Khí tượng Thủy văn (nay là Viện Khoa học Khí
tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu) đào tạo cán bộ trên đại học trong nước;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 31 tháng 3 năm 2015 của
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu về việc phê duyệt Quy định
chi tiết đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản thẩm định Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình dùng cho
công tác đào tạo trình độ tiến sĩ ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng Khoa học
Công nghệ và Đào tạo Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình dùng cho công tác đào
tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu (Danh
mục kèm theo);

Điều 2: Các sách trong Danh mục đã phê duyệt được sử dụng cho các nghiên cứu
sinh trong quá trình nghiên cứu và học tập tại Viện;

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Trường phòng Khoa học, Đào
tạo và Hợp tác quốc tế và các bộ môn có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT (Đ.7)

CHUNG THÀNH BẢN SÁO DÙNG VỚI BAN CHỈNH

Ngày 28/06/2019

6534401

Số chứng thực..... Quyển số..... SCT/BS



Lại Hồng Khanh

DANH MỤC SÁCH CHUYÊN KHOA, GIAO TRÌNH DÙNG CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIỀN SĨ
(Kèm theo quyết định số 536/QĐ-VKTTVTBĐKH ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đối khí hậu)

STT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Tác giả
1	Mô hình hóa khí hậu	Giáo trình	NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017	2	1. PGS.TS Nguyễn Văn Thắng 2. TS Thái Thị Thành Minh
2	Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo	Chuyên khảo	NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017	5	1. PGS.TS Nguyễn Văn Luang 2. TS Mai Văn Khiêm 3. TS Ngô Triền Giang 4. ThS Nguyễn Đăng Mậu 5. ThS Hoàng Văn Đại
3	Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam	Chuyên khảo	NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017	4	1. TS Mai Văn Khiêm 2. GS. TS Nguyễn Trọng Hiệu 3. PGS. TS Nguyễn Văn Thắng 4. ThS Nguyễn Đăng Mậu

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU

Số: 22/GXN-VKTTVBĐKH-KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2017

GIẤY XÁC NHẬN

Căn cứ Biên bản thẩm định sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh họp ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng Khoa học Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu về việc phê duyệt bổ sung Danh mục sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh,

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu chứng nhận sách:

Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo

Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam

Xuất bản năm 2017

Tác giả: PGS.TS Nguyễn Văn Thắng (chủ biên), TS Mai Văn Khiêm,
ThS Nguyễn Đăng Mậu, TS Ngô Tiên Giang, ThS Hoàng Văn Đại

Chịu trách nhiệm xuất bản: Kim Quang Minh

Cuốn sách là tài liệu chuyên khảo sử dụng trong công tác đào tạo tiến sĩ cho các ngành: Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Biển đổi khí hậu và phát triển bền vững.

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày:

28-06-2019

ĐCT: 6.4.2.5.4. Quyển số 1

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

(ký, ghi rõ họ tên)



Huỳnh Thị Lan Hương

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trường Thị Nga

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

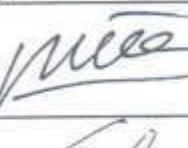
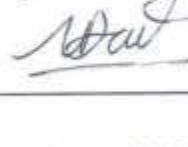
GIẤY XÁC NHẬN
THAM GIA BIÊN SOẠN NỘI DUNG SÁCH CHUYÊN KHẢO, GIÁO TRÌNH

Tên sách: **Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo**

Nhà xuất bản: Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam

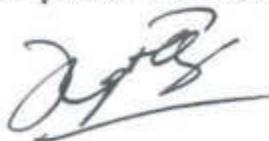
Năm xuất bản: 2017

Tác giả: Nguyễn Văn Thắng (chủ biên), Mai Văn Khiêm, Nguyễn Đăng Mậu, Ngô Tiên Giang, Hoàng Văn Đại

TT	Họ và tên tác giả	Nội dung tham gia	Chữ ký xác nhận của các tác giả
1	Nguyễn Văn Thắng	Chủ biên Nội dung biên soạn: Lời nói đầu, Chương I, Mục 2.2, Mục 2.3, Mục 3.1, Mục 3.2, Mục 3.4, Chương IV, Mục 5.1	
2	Mai Văn Khiêm	Nội dung biên soạn: Mục 2.1, Mục 2.2, Mục 3.3, Mục 3.5, Mục 3.6, Mục 5.2, Đồng biên soạn Mục 5.3	
3	Nguyễn Đăng Mậu	Nội dung biên soạn: Danh mục chữ viết tắt, Đồng biên soạn mục Mục 5.4	
4	Ngô Tiên Giang	Nội dung biên soạn: Chủ biên soạn Mục 5.4, cung cấp tài liệu tổng quan về hạn nông nghiệp	
5	Hoàng Văn Đại	Nội dung biên soạn: Chủ biên soạn Mục 5.3, cung cấp tài liệu tổng quan về hạn thủy văn	

Hà Nội, ngày 3 tháng 11 năm 2017

Xác nhận của Chủ biên



Nguyễn Văn Thắng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU

Số: 33/GXN-VKTTVBĐKH-KH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2017

GIẤY XÁC NHẬN

BẢN SAO

Căn cứ Biên bản thẩm định sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh họp ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng Khoa học Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu về việc phê duyệt bổ sung Danh mục sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh,

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu chứng nhận sách:

Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam

Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam

Xuất bản năm 2017

Tác giả: TS Mai Văn Khiêm (chủ biên), GS. TS Nguyễn Trọng Hiệu, PGS.TS Nguyễn Văn Thắng, ThS Nguyễn Đăng Mậu

Chịu trách nhiệm xuất bản: Kim Quang Minh

Cuốn sách là tài liệu chuyên khảo sử dụng trong công tác đào tạo tiến sĩ cho các ngành: Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Biển đổi khí hậu và phát triển bền vững.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 28-06-2019

65343 01

Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
(Lưu ý, ghi rõ họ tên)



Huynh Thị Lan Hương



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lại Hồng Khanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

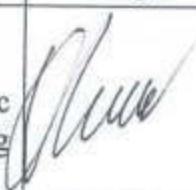
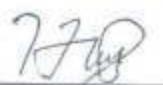
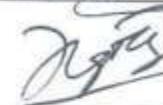
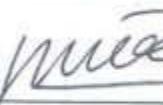
GIẤY XÁC NHẬN
THAM GIA BIÊN SOẠN NỘI DUNG SÁCH CHUYÊN KHẢO, GIÁO TRÌNH

Tên sách: **Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam**

Nhà xuất bản: Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam

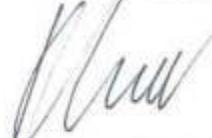
Năm xuất bản: 2017

Tác giả: Mai Văn Khiêm (Chủ biên), Nguyễn Trọng Hiệu, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Đăng Mậu

TT	Họ và tên tác giả	Nội dung tham gia	Chữ ký xác nhận của các tác giả
1	Mai Văn Khiêm	Chủ biên Nội dung biên soạn: Lời nói đầu, Chương II, Mục 4.3, Mục 5.4, Mục 5.5, Mục 5.6, Mục 5.7, Đồng biên soạn Chương I, Phụ lục	
2	Nguyễn Trọng Hiệu	Nội dung biên soạn: Chương I, Phụ lục	
3	Nguyễn Văn Thắng	Nội dung biên soạn: Chương III, Mục 4.1 - Mục 4.2, Mục 5.1, Mục 5.2, Mục 5.3	
4	Nguyễn Đăng Mậu	Nội dung biên soạn: Chữ viết tắt, Đồng biên soạn: Chương I, Phụ lục	

Hà Nội, ngày 3 tháng 11 năm 2017

Xác nhận của Chủ biên


Mai Văn Khiêm